

Số: 25/2025/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 19 tháng 5 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2019/NQ-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2019, Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 156/TTr-SNNMT ngày 09 tháng 5 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.**



1. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Quy định Bảng giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND như sau:

“1. Loại đất phi nông nghiệp tại Quy định này thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn tại các huyện, thị xã, thành phố Yên Bái tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của thành phố Yên Bái theo quy định tại Bảng 2 ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại Bảng 3 ban hành kèm theo Quyết định này;

c) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Mù Cang Chải theo quy định tại Bảng 4 ban hành kèm theo Quyết định này;

d) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Trạm Tấu theo quy định tại Bảng 5 ban hành kèm theo Quyết định này;

đ) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Văn Chấn theo quy định tại Bảng 6 ban hành kèm theo Quyết định này;

e) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Văn Yên theo quy định tại Bảng 7 ban hành kèm theo Quyết định này;

g) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Trấn Yên theo quy định tại Bảng 8 ban hành kèm theo Quyết định này;

h) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Yên Bình theo quy định tại Bảng 9 ban hành kèm theo Quyết định này;

i) Sửa đổi, bổ sung một số mã đoạn của huyện Lục Yên theo quy định tại Bảng 10 ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2. Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm của Quy định Bảng giá đất năm 2020 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái**

1. Thay thế cụm từ “Loại đất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Đất đai” bằng cụm từ “Loại đất nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Đất đai năm 2024” tại Điều 5.

2. Thay thế cụm từ “Sở Tài nguyên và Môi trường” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường” tại điểm e khoản 1 Điều 7; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 16 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND).

3. Thay thế cụm từ “ Cục Thuế tỉnh” bằng cụm từ “Chi cục Thuế khu vực VIII” tại điểm e khoản 1 Điều 7 và điểm a, điểm d khoản 2 Điều 8.”

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; người sử dụng đất tại tỉnh Yên Bái và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 5 năm 2025.
2. Quy định chuyển tiếp

Các trường hợp đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà cơ quan thuế chưa có văn bản xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai thì được áp dụng giá đất tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn và Quản lý xử lý vi phạm hành chính- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (Tự kiểm tra văn bản);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Yên Bái;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Anh





**BẢNG 2: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI THÀNH PHỐ YÊN BÁI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI II)**

| STT       | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| (1)       | (2)   | (3)   |
| <b>I</b>  | <b>TẠI CÁC PHƯỜNG: Đồng Tâm, Yên Thịnh, Minh Tân, Yên Ninh, Nguyễn Thái Học, Hồng Hà</b>                                      |   |
| <b>2</b>  | <b>Đường Điện Biên</b> (Từ ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Đinh Tiên Hoàng) đến ngã năm Cao Lanh) |   |
| 2.3       | Đoạn tiếp theo đến ngã tư Cao Thắng   | 37.000.000                                    |
| 2.4       | Đoạn tiếp theo đến ngã năm Cao Lanh (Ranh giới phường Yên Ninh với phường Nguyễn Thái Học)                                    | 35.000.000                                    |
| <b>5</b>  | <b>Đường Nguyễn Phúc</b> (Từ ngã tư cầu Yên Bái đến hết địa giới phường Hồng Hà)  |   |
| 5.4       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới phường Hồng Hà   | 4.500.000                                     |
| <b>6</b>  | <b>Đường Lê Hồng Phong</b> (Từ ngã ba Âu Lâu đến ngã tư Nam Cường)  |   |
| 6.2       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới phường Hồng Hà   | 7.000.000                                     |
| <b>22</b> | <b>Đường Đá Bia</b> (Từ ngã tư bệnh viện Sản Nhi đến cầu nghĩa trang Đá Bia)  |   |
| 22.3      | Đoạn tiếp theo đến Nghĩa trang Đá Bia   | 3.000.000                                     |
| <b>25</b> | <b>Đường Trần Phú</b> (Từ ngã ba Ngân hàng Nhà nước đến hết ranh giới phường Yên Thịnh)                                       |   |
| 25.1      | Từ sau vị trí 1 đường Điện Biên đến sau vị trí 1 đường Âu Cơ  | 18.000.000                                    |
| 25.2      | Đoạn từ sau Quán Đá đến hết ranh giới phường Đồng Tâm   | 16.000.000                                    |
| <b>31</b> | <b>Phố Ngô Sĩ Liên</b>  |   |
| 31.1      | Từ vị trí 1 đường Trần Phú đến gặp ngã ba   | 16.000.000                                    |

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| (1)       | (2)  | (3)   |
| 31.2      | Đoạn tiếp theo đến hết tiểu khu Hào Gia (giáp suối)  | 15.000.000                                    |
| <b>73</b> | <b>Đường Trần Nhật Duật</b>  | 10.000.000                                    |
| <b>77</b> | <b>Ngõ 683 (đường bê tông Tổ 9 phường Yên Ninh)</b>  |   |
| 77.3      | Đoạn tiếp theo đến hết đường bê tông (đường Tổ 9)  | 3.000.000                                     |
| 77.4      | Đoạn tiếp theo đến gặp đường Đá Bia (đường Tổ 9)   | 3.000.000                                     |
| <b>78</b> | <b>Đường bê tông Tổ 9 phường Yên Ninh (phía Trường Y Tế Yên Bái)</b>   |   |
| 78.3      | Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Vịnh  | 3.000.000                                     |
| <b>92</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Cường (Tổ 33-34 cũ) phường Hồng Hà</b>  |   |
| 92.1      | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải) đến hết đất nhà bà Lê Thị Hồng Thắng  | 3.000.000                                     |
| 92.2      | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hùng) đến gặp vị trí 1 đường Hòa Bình (nhà ông Minh)                                       | 3.000.000                                     |
| 92.3      | Đoạn từ VT1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải) đến gặp góc chắn đường Hòa Bình)   | 3.000.000                                     |
| <b>93</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Cường (Tổ 32-35 cũ) phường Hồng Hà (Từ sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong đến hết ranh giới đất ông Phạm Đức Tạo)</b> | 3.000.000                                     |
| <b>94</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Thọ (tổ 31 cũ) phường Hồng Hà (Từ sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong đến hết đất ông Đinh Phú Sáu)</b>                | 4.000.000                                     |
| <b>95</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc An (Tổ 12-18 cũ) phường Hồng Hà</b>   |   |
| 95.1      | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hòa Bình đến hết đất bà Trần Thị Mỹ   | 3.500.000                                     |
| 95.2      | Đoạn tiếp theo đến gặp đường tổ 7-13 cũ  | 3.000.000                                     |

| STT   | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-------|--|---|
| (1)   | (2)  | (3)   |
| 96    | <b>Đường Tổ dân phố Phúc An (Tổ 20-18 cũ) phường Hồng Hà</b>   |   |
| 96.1  | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hòa Bình đến hết đất bà Nguyễn Thị Trọ  | 3.500.000                                     |
| 96.2  | Đoạn tiếp theo đến gặp đường Tổ 12-18 cũ   | 3.000.000                                     |
| 97    | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Yên (Tổ 02-05 cũ) phường Hồng Hà</b><br>(Từ sau vị trí 1 đường Hòa Bình đến hết đất ông Nguyễn Văn Chiến) | 3.500.000                                     |
| 98    | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Tân - Tổ dân phố Phúc Yên (Tổ 7-13 cũ) phường Hồng Hà</b>   |   |
| 98.1  | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Nguyễn Phúc đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Anh   | 3.500.000                                     |
| 98.2  | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Lê Thị Hòa   | 3.000.000                                     |
| 106   | <b>Đường bê tông Tổ 7 phường Yên Thịnh</b>   |   |
| 106.1 | Từ sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 100m   | 4.400.000                                     |
| 106.2 | Đoạn tiếp theo đến hết đường bê tông (hết đất nhà ông Bằng)  | 3.500.000                                     |
| 106.3 | Đoạn tiếp theo đến hết đường bê tông (hết đất nhà ông Tài)   | 3.000.000                                     |
| 108   | <b>Đường bê tông Tổ 1 phường Yên Thịnh</b>   |   |
| 108.1 | Từ sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng vào 100m   | 4.400.000                                     |
| 108.2 | Đoạn tiếp theo đến cầu bê tông   | 3.500.000                                     |
| 108.3 | Đoạn từ cầu bê tông đến giáp địa phận xã Minh Bảo  | 3.000.000                                     |
| 113   | <b>Ngõ 268: Đường Bê tông Tổ 12 phường Yên Ninh</b>  |   |
| 113.1 | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Bảo Lương vào 50m   | 3.500.000                                     |
| 113.2 | Đoạn tiếp theo đến hết đường bê tông   | 3.000.000                                     |
| 115   | <b>Đường Bách Lãm (đoạn qua địa phận phường Yên Ninh)</b>  | Bỏ  |

| STT        | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| (1)        | (2)  | (3)   |
| 115.1      | Đoạn từ ngã 5 Cao Lanh đến hết đất Công ty Xăng dầu Yên Bái  | Bỏ  |
| 115.2      | Đoạn tiếp theo đầu cầu Bách Lãm  | Bỏ  |
| <b>117</b> | <b>Đường nối QL37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đoạn từ Ngã 5 Cao Lanh đến hết ranh giới phường Yên Ninh)</b>   |   |
| 117.1      | Đoạn từ ngã 5 Cao Lanh đến gặp đường Đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối Cầu Bách Lãm đến cầu Văn Phú   | 40.000.000                                    |
| 117.2      | Đoạn tiếp theo đến gặp đường Tuần Quán   | 35.000.000                                    |
| 117.3      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới phường Yên Ninh   | 20.000.000                                    |
| <b>119</b> | <b>Đường nội bộ Khu I (Khu 6,2ha) phường Đồng Tâm</b>  |   |
| 119.1      | Các thửa đất thuộc băng 2, băng 3  | 25.000.000                                    |
| 119.2      | Các thửa đất thuộc băng 4, băng 5  | 20.000.000                                    |
| 119.3      | Các thửa đất thuộc băng 6, băng 7  | 18.000.000                                    |
| 119.4      | Các nhánh còn lại  | 15.000.000                                    |
| <b>120</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Cường (Tổ 32-36 cũ) phường Hồng Hà</b>  | 3.000.000                                     |
| <b>121</b> | <b>Đường Tổ dân phố Phúc Tân (Tổ 15-16 cũ) phường Hồng Hà</b>  | 3.000.000                                     |
| <b>125</b> | <b>Đường Trần Xuân Lai</b>   | 10.000.000                                    |
| <b>128</b> | <b>Đường nội bộ khu đô thị Viettel</b>   | 12.000.000                                    |
| <b>129</b> | <b>Đường Bách Lãm (đoạn qua địa phận phường Yên Ninh)</b>  | 25.000.000                                    |
| <b>133</b> | <b>Đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối Cầu Bách Lãm đến cầu Văn Phú (sau vị trí 1 đường Điện Biên qua cầu Phó Hoan đến gặp đường nối Quốc lộ 37 với Nội Bài Lào Cai đoạn từ Cầu Bách Lãm đến gặp đường Tuần Quán)</b> | 25.000.000                                    |

| STT   | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-------|--|---|
| (1)   | (2)  | (3)   |
| 135   | Đường nội bộ khu tái định cư sau Công ty xăng dầu Yên Bái  | 8.000.000                                     |
| 137   | Đường nội bộ dự án: Chính trang đô thị khu vực tổ dân phố số 4 và tổ dân phố số 5, phường Yên Ninh |   |
| 137.1 | Đường nội bộ rộng 9m, hành lang 3m*2 bên   | 11.000.000                                    |
| 137.2 | Đường nội bộ rộng 7m, hành lang 3m*2 bên   | 10.300.000                                    |
| 141   | Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến gặp đường Trần Phú (tổ 10, phường Đồng Tâm)                             | 27.000.000                                    |
| 142   | Kè Hào Gia   |   |
| 142.1 | Đoạn từ Ban Nội chính đến gặp đường Ngô Sỹ Liên (cầu D41)  | 15.000.000                                    |
| 142.2 | Đoạn từ đường Trần Phú đến nhà văn hóa đa năng tổ 18 phường Đồng Tâm                               | 15.000.000                                    |
| 142.3 | Đoạn từ cầu D41 đến gặp đường Trần Phú và gặp đường Lê Lợi   | 10.000.000                                    |
| 143   | Kè Cầu Dài (Từ đường Lê Lợi đến cầu bệnh viện)   |   |
| 143.1 | Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m  | 15.000.000                                    |
| 143.2 | Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m  | 8.000.000                                     |
| 144   | Kè Cầu Dài (nhánh Sứ đến cầu Bảo Lương)  |   |
| 144.1 | Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m  | 8.000.000                                     |
| 144.2 | Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m  | 10.000.000                                    |
| 145   | Đường nội bộ khu tái định cư hạ tầng đô thị phía nam, thành phố Yên Bái                            | 10.000.000                                    |
| 146   | Ngõ 275 Đường Bảo Lương (Khu dân cư mới tổ 12, phường Yên Ninh)                                    | 10.000.000                                    |
| 147   | Đường nội bộ sân bóng Trung Hậu cũ   | 8.100.000                                     |

| STT       | Tên đường   | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| (1)       | (2)   | (3)                                     |
| 148       | Đường nội bộ tiểu khu Hào Gia   | 15.000.000                              |
| 149       | Đường nội bộ quỹ đất đấu giá tổ 15 (tổ 35 cũ), phường Đồng Tâm  | 10.000.000                              |
| 150       | Các tuyến đường khác còn lại  | 3.000.000                               |
| <b>II</b> | <b>TẠI PHƯỜNG: Nam Cường</b>  |   |
| <b>1</b>  | <b>Đường Trần Bình Trọng</b>  |   |
| 1.1       | Đoạn từ đường lên đồi Ra đa (nhà ông Vang) đến đường Phạm Ngũ Lão   | 13.000.000                              |
| 1.2       | Đoạn tiếp theo đến hết đập Nam Cường  | 10.000.000                              |
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến hết đất Trụ sở Công an phường Nam Cường  | 9.000.000                               |
| 1.4       | Đoạn tiếp theo đến Trạm gác Sân Bay Yên Bái   | 8.000.000                               |
| <b>2</b>  | <b>Đường Lê Chân</b>  |   |
| 2.1       | Đoạn giáp ranh giới phường Nguyễn Thái Học đến ngã ba đường đi Cường Bắc (hết đất nhà ông Hậu) Phía bên đến ngã ba đường Đồng Tiến (hết đất nhà ông Tùng) | 9.000.000                               |
| 2.2       | Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Tân (đối diện bên đường hết đất nhà ông Linh)   | 8.000.000                               |
| 2.3       | Đoạn tiếp theo đến Khu di tích lịch sử đình, đền, chùa Nam Cường  | 7.600.000                               |
| <b>4</b>  | <b>Đường Vực Giang (Từ đường Trần Bình Trọng đi Vực Giang gặp đường Quân sự)</b>  |   |
| 4.1       | Đoạn sau VT1 đường Trần Bình Trọng đến Ngã ba Đình Làng (hết đất nhà bà Mão)  | 5.000.000                               |
| 4.2       | Đoạn tiếp theo đến cầu Trần Đình (giáp đất nhà ông Vượng)   | 3.000.000                               |

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| (1)       | (2)  | (3)   |
| 4.2       | Đoạn tiếp theo đến gặp đường đá Quân sự  | 2.500.000                                     |
| <b>6</b>  | <b>Đường Tổ 14 - Nam Thọ</b> (Từ đường Trần Bình Trọng đi xã Tuy Lộc)  |   |
| 6.1       | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng đến giáp đất nhà ông Cận  | 4.000.000                                     |
| 6.2       | Đoạn tiếp theo từ ngã 3 công vào Đầm Sáu đến tiếp giáp đất quân sự   | 2.500.000                                     |
| 6.3       | Đoạn từ ngã ba nhà bà Tiếp đến tiếp giáp VT1 đường kè hồ 1   | 3.000.000                                     |
| <b>7</b>  | <b>Đường Cường Bắc</b> (Từ khu vực quân sự đi xã Cường Thịnh)  |   |
| 7.1       | Từ giáp đất khu vực quân sự đến hết đất nhà bà Dung  | 4.500.000                                     |
| 7.3       | Đoạn tiếp theo đến ranh giới với xã Cường Thịnh  | 2.500.000                                     |
| <b>8</b>  | <b>Đường Phạm Ngũ Lão</b>  |   |
| 8.3       | Đoạn còn lại   | 2.500.000                                     |
| <b>9</b>  | <b>Đường Đồng Tiến</b>   |   |
| 9.1       | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng đến ngã ba hết đất nhà ông Lương, phía đối diện tiếp giáp đất nhà bà Khánh. | 4.000.000                                     |
| 9.2       | Đoạn tiếp theo từ giáp đường lên Ra đa đến ranh giới giữa TDP Đồng Tiến và TDP Cầu Đền (hết đất nhà ông Long)          | 3.000.000                                     |
| 9.3       | Đoạn tiếp theo đến gặp đường Lê Chân   | 4.000.000                                     |
| <b>12</b> | <b>Đường Bờ Đập</b>  |   |
| 12.1      | Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng đến Đập đầu mồi Nam Cường   | 4.000.000                                     |
| 12.2      | Đoạn còn lại chạy dọc theo ngòi Ông đến giáp ranh giới xã Tuy Lộc  | 3.000.000                                     |
| <b>14</b> | <b>Đường Láng Dài</b>  | 3.000.000                                     |
| <b>15</b> | <b>Đường Độc Đình</b> (Nối đường thao trường xuống đường kè hồ 3)  | 3.300.000                                     |

| STT        | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| (1)        | (2)  | (3)   |
| 17         | Đường kè hồ 1  | 10.000.000                                    |
| 18         | Đường kè hồ 2 (Đoạn từ đất của hộ gia đình ông Hoàng Thanh Tùng đến cầu D1)                          | 8.000.000                                     |
| 19         | Đường kè hồ 03 (Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân đến cầu Trần Đình)                                     |   |
| 19.1       | Đoạn từ sau VT1 đường Lê Chân đến cầu Trần Đình (đường bê tông rộng 6,0 m)                           | 6.000.000                                     |
| 19.2       | Đoạn tiếp giáp đường Vực Giang đến Đình Làng Nam Cường (đường bê tông rộng 3,0 m)                    | 4.500.000                                     |
| 19.3       | Đoạn từ đầu Cầu Đền vòng theo ven hồ 3 đến đất Bà Nga (đường bê tông rộng 3,0 m)                     | 4.000.000                                     |
| 20         | Đường lên trường tiểu học Nam Cường (Từ sau VT1 đường Trần Bình Trọng, đến gặp đường Phạm Khắc Vinh) | 3.000.000                                     |
| 21         | Các tuyến đường còn lại  | 2.500.000                                     |
| <b>III</b> | <b>TẠI PHƯỜNG: Hợp Minh</b>  |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường Ngô Minh Loan</b>   |   |
| 1.1        | Đoạn từ cầu Yên Bái đến Trạm hạ thế  | 20.000.000                                    |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Lâu  | 16.000.000                                    |
| <b>6</b>   | <b>Đường đi xóm Cỏ Hạc</b>   |   |
| 6.1        | Đường từ trạm hạ thế đến đất ông Lự  | 3.500.000                                     |
| 6.2        | Đoạn tiếp theo vào xóm Cỏ Hạc  | 2.500.000                                     |
| <b>9</b>   | <b>Đường bê tông Tổ 3 (Tổ 7 cũ)</b>  | 2.500.000                                     |
| <b>11</b>  | <b>Đường Gò Cẩm</b>  |   |
| 11.2       | Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Uyển  | 2.500.000                                     |
| <b>15</b>  | <b>Đường Võ Nguyên Giáp (đoạn qua địa phận phường Hợp Minh)</b>                                      | 13.000.000                                    |

| STT | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|---|---|
| (1) | (2)   | (3)   |
| 16  | Đường Võ Văn Kiệt (đoạn qua địa phận phường Hợp Minh)   | 13.000.000                                    |
| 17  | Đường Phạm Hùng (đoạn qua địa phận phường Hợp Minh)   | 13.000.000                                    |
| 18  | Đường quỹ đất dân cư phường Hợp Minh (Từ sau VT1 đường Ngô Minh Loan đến hết quỹ đất dân cư tổ 1+2) | 6.000.000                                     |
| 19  | Các đoạn đường bê tông còn lại  | 2.500.000                                     |



**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

| STT        | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|---|---|
| <b>I</b>   | <b>XÃ MINH BẢO</b>  |   |
| <b>2</b>   | <b>Đường liên thôn xã Minh Bảo</b>  |   |
| 2.1        | Đường Rặng nhãn (Từ đường Thanh Liêm gặp đường Đá Bia)  |   |
| 2.1.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp vị trí 1 đường Đá Bia   | 3.000.000                                     |
| 2.2        | Đường Yên Thế (Từ sau vị trí 1 đường Thanh Liêm (giáp đất ông Lịch) đến hết đất xã Minh Bảo)                                | 2.500.000                                     |
| 2.5        | Đường liên thôn Trục Bình - Cường Thịnh   | 2.500.000                                     |
| <b>5</b>   | <b>Đường Bảo Yên - Trục Bình</b>  | 2.500.000                                     |
| <b>7</b>   | <b>Đường Yên Minh nối Thanh Niên</b>  | 2.500.000                                     |
| <b>12</b>  | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>   | 2.000.000                                     |
| <b>III</b> | <b>XÃ TÂN THỊNH</b>   |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường Thanh Hùng (Đường từ sau vị trí 1 vào khu Tái định cư 2A vào UBND xã)</b>  | 4.000.000                                     |
| <b>3</b>   | <b>Đường 7C (Từ đường Trần Phú gặp xã Phú Thịnh)</b>  |   |
| 3.1        | Từ đường Trần Phú đến sau VT1 đường nối đường Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ.   | 4.000.000                                     |
| 3.2        | Từ sau VT1 đường nối đường Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đến gặp xã Phú Thịnh.   | 3.000.000                                     |
| <b>5</b>   | <b>Đường thôn Lương Thịnh đi thôn Thanh Lương (Sau VT1 đường 7C đến sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ)</b> | 2.500.000                                     |
| <b>6</b>   | <b>Đường từ ngã ba nhà bà Chuyên qua thôn Thanh Lương đến cổng UBND xã</b>  |   |
| 6.1        | Đường từ ngã ba nhà bà Chuyên đến hết đất nhà ông Vụ  | 3.000.000                                     |
| 6.2        | Đoạn tiếp theo đến sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ   | 3.000.000                                     |

| STT | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|--|---|
| 6.3 | Đoạn từ sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đến UBND xã Tân Thịnh                     | 2.500.000                                     |
| 6.4 | Đường từ sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đi Cây Phay                              | 2.500.000                                     |
| 6.5 | Đường nhánh đi Dõng Hóc đến hết đất nhà bà Kiệm  | 2.000.000                                     |
| 7   | <b>Đường công UBND xã đi Trấn Thanh</b>  |   |
| 7.1 | Đường từ UBND xã đến sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ                              | 3.500.000                                     |
| 7.2 | Đoạn từ sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đến ranh giới xã Văn Phú                  | 3.000.000                                     |
| 7.3 | Đoạn từ ngã ba nhà bà Thoa (Đoàn) đến ranh giới xã Văn Phú   | 3.000.000                                     |
| 7.4 | Đoạn từ nhà ông Tuấn đến ranh giới xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình                                      | 3.000.000                                     |
| 8   | <b>Đường thôn Trấn Thanh đoạn từ Dốc Đá (ông Tiến) đến ranh giới xã Văn Phú)</b>                     | Bỏ  |
| 8   | <b>Đường Trấn Ninh</b> (Từ giáp nhà ông Chúc thôn Thanh Hùng đến sau VT1 đường Âu Cơ ngã tư Đền Rối) | 3.000.000                                     |
| 9   | <b>Đường Trấn Ninh</b>   |   |
| 9.1 | Đoạn từ ngã tư Đền Rối đến sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ                        | 3.500.000                                     |
| 9.2 | Từ sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đến ngã ba nhà ông Bình thôn Trấn Thanh        | 3.000.000                                     |
| 9.3 | Từ sau VT1 đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Âu Cơ đến sau VT1 đường vào UBND xã Tân Thịnh        | 3.000.000                                     |
| 10  | <b>Đường Nguyễn Tất Thành</b> (Đoạn đi qua địa phận xã Tân Thịnh)                                    | 15.000.000                                    |
| 11  | <b>Đường thôn Lương Thịnh</b> (từ nhà bà Phương đến sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành)             | 4.000.000                                     |
| 12  | <b>Đường Âu Cơ đoạn đi qua địa phận xã Tân Thịnh</b>   |   |

| STT  | Tên đường  | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|--|---|
| 12.1 | Đoạn từ giáp ranh giới phường Đồng Tâm đến ngã sáu   | 25.000.000                              |
| 12.2 | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Tân Thịnh  | 20.000.000                              |
| 13   | Đường từ ngã sáu vòng xuyên Thanh Hùng đến khu Tái định cư 2A  | 10.000.000                              |
| 14   | Đường nội bộ khu Tái định cư 2A  | 4.500.000                               |
| 15   | Đường từ ngã tư Đền Rối đến giáp ranh xã Văn Phú   | 3.000.000                               |
| 16   | Đường sau vị trí 1 Đường Âu Cơ đến khu tái định cư 2A (đường giáp khu tái định cư số 1 đường Âu Cơ)  |   |
| 16.1 | Đoạn từ sau VT1 đường Âu Cơ đến ngã ba hết đất nhà ông Thông   | 8.000.000                               |
| 16.2 | Đoạn ngã ba nhà ông Thông đến nhà ông Tiến   | 4.000.000                               |
| 16.3 | Đoạn ngã ba nhà ông Thông đến nhà bà Kiệm  | 4.000.000                               |
| 17   | Đường Tuần Quán (đoạn từ ngã sáu hướng đi cầu Tuần Quán đến hết ranh giới xã Tân Thịnh)  | 15.000.000                              |
| 18   | Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến giáp ranh giới thị trấn Yên Bình (Trường quân sự Ấp Bắc)   | 2.500.000                               |
| 19   | Đường từ sau VT1 đường Nguyễn Tất Thành đến hết đất nhà ông Nghị   | 3.000.000                               |
| 20   | Đường nối đường Nguyễn Tất Thành đến đường Âu Cơ (đoạn từ km4+400m đường Nguyễn Tất Thành đến giao với đường Âu Cơ tại Km3+300m)                 | 10.000.000                              |
| 21   | Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến đường nối đường Nguyễn Tất Thành đến đường Âu Cơ (Đường nội bộ rộng 7,0 m)                           | 4.500.000                               |
| 22   | Đường nội bộ quỹ đất Lương Thịnh (đối diện đền Lương Nham)   | 3.500.000                               |
| 23   | Đường Trần Thanh đi Trần Ninh (từ ngã ba nhà văn hoá thôn Trần Thanh đến sau VT1 đường nối Nguyễn tất Thành với đường Âu Cơ): bê tông rộng 3,5m. | 3.000.000                               |

| STT | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|--|---|
| 24  | Các đường liên thôn khác còn lại   | 2.500.000                                     |
| IV  | <b>XÃ ÂU LÂU:</b>  |   |
| 1   | <b>Đường Ngô Minh Loan</b>   |   |
| 1.1 | Đoạn từ Cầu Ngòi Lâu đến ngã ba đi xã Y Can, huyện Trấn Yên  | 14.000.000                                    |
| 1.2 | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên  | 12.000.000                                    |
| V   | <b>XÃ GIỚI PHIÊN</b>   |   |
| 1   | <b>Đường Hoàng Quốc Việt</b>   |   |
| 1.1 | Đoạn giáp ranh từ phường Hợp Minh đến đường rẽ vào đường đê chống ngập sông Hồng   | 8.000.000                                     |
| 1.2 | Đoạn tiếp theo đến cầu Giới Phiên  | 10.000.000                                    |
| 1.3 | Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Cậy (thôn Phúc Thịnh)   | 10.000.000                                    |
| 1.4 | Đoạn từ đất nhà bà Lê Thị Tơ (thôn Phúc Thịnh) đến đường rẽ đi xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên   | 8.000.000                                     |
| 1.5 | Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Giới Phiên thành phố Yên Bái  | 6.000.000                                     |
| 2   | <b>Đường thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (nhà bà Hà) đến giáp nhà ông Trần Văn Châu đến vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (Đường qua nhà văn hóa thôn Ngòi Châu)</b> | 3.500.000                                     |
| 3   | <b>Đường thôn Xóm Soi - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đường bê tông (Đoạn qua nhà văn hóa thôn 2 cũ)</b>   |   |
| 3.1 | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến gặp đường nối Quốc lộ 32c với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Qua nhà văn hóa thôn 2 cũ)   | 3.500.000                                     |
| 3.2 | Đoạn từ đường nối Quốc lộ 32c với cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến hết đường Bê tông Ngòi Đông (Đường vào khu nhà ông Phùng Văn Tý)   | 3.500.000                                     |

| STT | Tên đường  | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|--|---|
| 3.3 | Đoạn từ nhà Văn hóa thôn 2 (cũ) đến gặp đường nối Quốc lộ 32c với cao tốc Nội Bài - Lào Cai  | 3.500.000                               |
| 3.4 | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến gặp đường nối Quốc lộ 32c với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (Qua Đài K3)  | 3.500.000                               |
| 4   | <b>Đường thôn Ngòi Châu</b> - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (nhà ông Cường) theo đường bê tông đến nhà ông Vũ Kim Ngọc đến giáp vị trí 1 đường Bách Lãm (Đoạn qua chùa Long Khánh) | 3.500.000                               |
| 5   | <b>Đường thôn Xóm Soi</b> (Đường vào Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái)  |   |
| 5.1 | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến nhà ông Trần Ngọc Thăng thôn Xóm Soi (ra chợ Bến Đò)  | 3.500.000                               |
| 5.2 | Đoạn tiếp theo từ ngã ba chân dốc nhà ông Nguyễn Viết Xuân thôn Xóm Soi đến hết đường bê tông (qua nhà ông Nguyễn Văn Hợp)   | 3.500.000                               |
| 5.3 | Đoạn từ nhà ông Vũ Văn Hạnh đến hết đường bê tông (qua nhà văn hóa thôn 4 cũ và qua ngã tư giao nhau với đoạn 5.2)   | 3.500.000                               |
| 6   | <b>Đường thôn Ngòi Đông</b>  |   |
| 6.1 | Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Xuân   | 3.500.000                               |
| 6.2 | Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến nhà ông Tài Thi (đường vào Hợp tác xã Giáp Hậu)  | 3.500.000                               |
| 6.3 | Đường từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến nhà ông Tô Văn Đông (giáp thôn Ngòi Đông)  | 3.500.000                               |
| 7   | <b>Đường từ Sau VT1 đường Hoàng Quốc Việt qua trường THCS đến hết đường bê tông (đến gặp đoạn 3.3)</b>   | 3.500.000                               |
| 10  | <b>Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Minh Quân thôn Đông Thịnh</b>   | 3.500.000                               |
| 11  | <b>Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi bến đò cũ</b>   | 3.500.000                               |

| STT  | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|--|---|
| 12   | Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Hồ Hàm   | 3.500.000                                     |
| 16   | Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi đập Ngòi Lầy  |   |
| 16.1 | Đoạn từ vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đất nhà ông Tuyên   | 3.500.000                                     |
| 16.2 | Đoạn còn lại   | 3.500.000                                     |
| 17   | Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi xóm Giếng Mỏ thôn Đông Thịnh  | 3.500.000                                     |
| 18   | Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào nhà ông Hiền thôn Đông Thịnh   | 3.500.000                                     |
| 19   | Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào nhà bà Thủy thôn Đông Thịnh  | 3.500.000                                     |
| 25   | Đường Võ Nguyên Giáp (đoạn qua địa phận xã Giới Phiên)   | 13.000.000                                    |
| 26   | Đường Võ Văn Kiệt (đoạn qua địa phận xã Giới Phiên)  | 13.000.000                                    |
| 27   | Đường Võ Chí Công  | 13.000.000                                    |
| 28   | Đường Phạm Hùng (đoạn qua địa phận xã Giới Phiên)  | 13.000.000                                    |
| 29   | Đường từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt qua trường mầm non đến hết đất nhà ông Tuấn Hiền   | 3.500.000                                     |
| 30   | Đường đê chống lũ sông Hồng kết hợp đường giao thông đô thị (Đường nhựa rộng 10,5m; vỉa hè 5m x 2; hành lang đê 5m)                                      | 12.000.000                                    |
| 31   | Đường nhựa nội bộ quỹ đất dọc kè sông Hồng khu vực giáp Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Yên Bái (Đường rộng 7,5m; hành lang 3m x 2)              | 9.500.000                                     |
| 32   | Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (từ lý trình Km93+070 - QL 32C (trụ sở UBND xã Giới Phiên cũ) đến gặp đường Âu Cơ) | 13.000.000                                    |
| 33   | Đường nội bộ Khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai                                      | 6.200.000                                     |

| STT  | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|---|---|
| 34   | Đường nội bộ Khu tái định cư thuộc công trình Đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai               | 6.200.000                                     |
| 35   | Đường 32C nâng cấp  |   |
| 35.1 | Từ quán cá Hà Oanh đến hết đất nhà ông Trần Văn Sáu (đường có kết cấu 36m)  | 13.000.000                                    |
| 35.2 | Đoạn tiếp theo đến nút giao với đường Hoàng Quốc Việt. (Bề rộng mặt đường 8m)   | 6.000.000                                     |
| 36   | Khu tái định cư số 2A   | 13.000.000                                    |
| 37   | Khu tái định cư Đê chống ngập Sông Hồng xã Giới Phiên   |   |
| 37.1 | Đường rộng đường 36m  | 13.000.000                                    |
| 37.2 | Đường rộng 6 m hành lang 3m   | 6.200.000                                     |
| 38   | Các tuyến đường khác còn lại  | 2.500.000                                     |
| VI   | <b>XÃ VĂN PHÚ:</b>  |   |
| 2    | Đường tỉnh lộ 168 đi xã Tân Thịnh   | 4.000.000                                     |
| 3    | Đường Trần Xuân Lai nhánh 1 (Đường từ nhà ông Thoán Mai đến đường nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) | 3.000.000                                     |
| 4    | Đường Thôn Văn Liên đi thôn Tuy Lộc   |   |
| 4.1  | Đoạn UBND xã đến quán nhà ông Vân   | 3.000.000                                     |
| 4.2  | Đoạn tiếp theo đến nhà ông Tuấn Lự  | 3.000.000                                     |
| 6    | Đường Trần Xuân Lai nhánh 2 (Đường từ nhà ông Chúc đến hết đất nhà bà Ninh)   | 3.000.000                                     |
| 8    | Đoạn từ nhà bà Liên đi Phai Đồng  |   |
| 8.1  | Đoạn từ nhà bà Liên đến nhà ông Nghị  | 3.000.000                                     |
| 8.2  | Đoạn tiếp theo đi Phai Đồng   | 3.000.000                                     |

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| <b>9</b>  | <b>Đường Yên Bái - Văn Tiến đi Hậu Bông</b>                            |   |
| 9.1       | Đoạn từ ngã 3 (UBND xã Văn Tiến cũ) đến giáp đất nhà ông Hậu           | 5.000.000                                     |
| 9.2       | Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Sen  | 4.000.000                                     |
| 9.3       | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Hậu Bông (tỉnh Phú Thọ)                     | 3.500.000                                     |
| 9.4       | Đường bê tông từ cổng nhà ông Tuấn Tĩnh đến giáp đường sắt             | 3.000.000                                     |
| 9.5       | Đường bê tông từ cổng nhà ông Sơn Dũng đến nhà ông Tuấn Thư            | 3.000.000                                     |
| 9.6       | Đường từ Quốc lộ 2D đến cổng công ty Môi trường & năng lượng Nam Thành | 3.000.000                                     |
| <b>10</b> | <b>Đường Ngòi Xẻ đi xã Phú Thịnh</b>                                   |   |
| 10.1      | Đoạn ngã ba Ngòi Xẻ đến hết đất nhà ông Tĩnh                           | 3.000.000                                     |
| 10.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình         | 3.000.000                                     |
| <b>11</b> | <b>Đường ông Khuyên đi Tân Thịnh</b>                                   |   |
| 11.1      | Đoạn ông Khuyên đi Dốc Đá cổng bà Vụ                                   | 3.000.000                                     |
| 11.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Tân Thịnh                         | 2.600.000                                     |
| 11.3      | Đoạn từ Nhà văn hóa thôn Bình Sơn đi ao Chùa - đường bê tông           | 2.600.000                                     |
| <b>20</b> | <b>Đường nội bộ khu tái định cư 4C</b>                                 | 6.100.000                                     |
| <b>21</b> | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>                                | 2.500.000                                     |

**BẢNG 3: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ XÃ NGHĨA LỘ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI IV)**

| STT        | Tên đường  | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| (1)        | (2)  | (3)                                     |
| <b>I</b>   | <b>PHƯỜNG TRUNG TÂM</b>  |   |
| <b>14</b>  | <b>Đường Võ Thị Sáu</b> (Từ đường Hoàng Liên Sơn đi UBND xã Nghĩa Lợi)         |   |
| 14.3       | Ngõ 18 đường Võ Thị Sáu (Sau vị trí 1 đường Võ Thị Sáu đến hết số nhà 11)      | 12.000.000                              |
| <b>21</b>  | <b>Đường Trần Phú</b>  | 25.000.000                              |
| <b>23</b>  | <b>Đường Hoàng Văn Thọ</b>   |   |
| 23.1       | Từ sau vị trí 1 đường Võ Thị Sáu đến hết ranh giới chợ C                       | 32.000.000                              |
| 23.2       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Hiền (Giáp ngõ 28 đường Hoàng Văn Thọ) | 28.000.000                              |
| 23.3       | Từ giáp ngõ 28 đường Pá Kết đến giáp ranh giới nhà ông Mè                      | 20.000.000                              |
| 23.4       | Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường đi Bản Xa                                       | 18.000.000                              |
| <b>24</b>  | <b>Các tuyến đường khác còn lại</b>  | 300.000                                 |
| <b>II</b>  | <b>PHƯỜNG PÚ TRẠNG</b>   |   |
| <b>12</b>  | <b>Đường Vương Thừa Vũ</b> (từ đường Hoa Ban đến đường Nguyễn Quang Bích)      | 6.500.000                               |
| <b>13</b>  | <b>Đường Đinh Nhu</b>  | 4.500.000                               |
| 13.1       | Ngõ nối đường Đinh Nhu gặp đường Hoa Ban (Giáp BQLDA đầu tư xây dựng thị xã)   | 3.800.000                               |
| <b>14</b>  | <b>Đường Trần Huy Liệu</b>   | 9.000.000                               |
| <b>III</b> | <b>PHƯỜNG TÂN AN</b>   |   |
| <b>11</b>  | <b>Đường Thanh Niên</b>  |   |

| STT  | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|--|---|
| (1)  | (2)  | (3)   |
| 11.1 | Từ đường Điện Biên gặp ngõ 147 (Đường Điện Biên)                                   | 28.615.000                                    |
| 12   | Từ sau vị trí 1 đường Thanh Niên đến hết thửa đất số 193 Tờ bản đồ số 2 P. Tân An. | 9.270.000                                     |
| 13   | Từ sau vị trí 1 đường Thanh Niên đến nhà văn hóa Tổ 3, P. Tân An                   | 13.000.000                                    |
| 14   | Các tuyến đường khác còn lại   | 300.000                                       |

**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

| STT       | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| (1)       | (2)   | (3)   |
| <b>I</b>  | <b>XÃ NGHĨA LỢI</b>   |   |
| <b>11</b> | <b>Đường Thanh Niên</b> (từ giáp ranh giới phường Trung Tâm đến<br>đường vành đai suối Thia)      |   |
| 11.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp vị trí 1 đường bao suối Thia  | 16.000.000                                    |
| <b>14</b> | <b>Đường Hoàng Văn Thọ</b> (đoạn từ giáp ranh giới phường Trung<br>Tâm đến hết ranh giới UBND xã) | 13.000.000                                    |
| <b>II</b> | <b>XÃ NGHĨA LỘ</b>  |   |
| <b>2</b>  | <b>Các đoạn đường trực chính</b>  |   |
| 2.1       | Đoạn Quốc lộ 32 rẽ đi Thanh Lương đến hết ranh giới nhà bà<br>Năm Dục                             | 1.300.000                                     |
| 2.2       | Đoạn tiếp theo từ nhà bà Năm Dục đến ranh giới xã Thanh Lương                                     | 1.000.000                                     |
| 2.3       | Đoạn từ Quốc lộ 32 đến hết ranh giới nhà bà Thái Tươi   | 1.500.000                                     |
| 2.4       | Đoạn tiếp theo đến hết khu vực trạm xá  | 1.000.000                                     |
| 2.5       | Đoạn từ đường đi trạm xá lên nhà Văn hoá thôn 3   | 700.000                                       |
| 2.6       | Đoạn Từ Quốc Lộ 32 đến khu nhà ông Kính Doanh   | 700.000                                       |
| 2.7       | Đoạn từ Quốc Lộ 32 vào đến nhà Ông Đức Oanh   | 1.000.000                                     |
| 2.8       | Đoạn từ Quốc lộ 32 đến hết ranh giới xã Nghĩa Lộ  | 1.200.000                                     |



## BẢNG 4: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN MÙ CANG CHẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### A. ĐẤT Ở ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

| STT | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Đường Hoàng Liên</b>   |   |
| 1.1 | Từ điểm tiếp giáp giữa thị trấn và bản Háng Sung xã Mồ Dề đến hết đất của ông Cửa Dinh                        | 3.960.000                                     |
| 2   | <b>Đường Sơn Tra</b>  |   |
| 2.1 | Đoạn từ đất nhà ông Thám Hoạt đến hết đất nhà ông Hải Là  | 7.700.000                                     |
| 2.2 | Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà ông Trung Huệ   | 5.200.000                                     |
| 3   | <b>Đường Nậm Mơ</b> (Đoạn đường lên xã Mồ Dề từ nhà ông Quỳnh Hương đến hết đất nhà máy nước)                 | 3.000.000                                     |
| 4   | <b>Đường Nậm Kim</b>  |   |
| 4.1 | Đoạn từ đất nhà bà Dom đến hết đất nhà ông Sanh   | 3.900.000                                     |
| 4.2 | Đường trục chính đi bản Thái từ đất nhà ông Sanh đến nhà Văn hóa Tổ 5 (Bản Thái)                              | 3.250.000                                     |
| 5   | <b>Đường Bản Thái</b> (Đường vành đai bản Thái từ đất nhà ông Sanh đến hết đất nhà ông Đơn)                   | 3.250.000                                     |
| 6   | <b>Đường La Phu Khơ</b> (Đoạn đường từ đất nhà ông Hoà Thơ đến đầu cầu cứng La Pu Khơ)                        | 4.200.000                                     |
| 7   | <b>Đường Kim Nội</b> (Đoạn từ Trường Mầm non Hoa Lan thị trấn lên đến giáp ranh giới xã Kim Nội)              | 2.000.000                                     |
| 8   | <b>Đường Pàng Tớ Dày</b> (Đoạn từ ngã ba Nhà Văn hoá tổ 5 (Đường vành đai thị trấn mới) đến đầu cầu mới tổ 1) | 2.500.000                                     |
| 9   | <b>Đường nội huyện và đường nhánh</b>   |   |
| 9.1 | Đường từ nhà ông Hòa đến hết đất nhà bà Phương Giang  | 3.250.000                                     |

|     |  |           |
|-----|--|-----------|
| 9.2 | Đường từ nhà ông Thiên đến hết đất nhà ông Nhất Phương       | 3.250.000 |
| 9.3 | Đường nội bộ khu tái định cư tại Tổ 4, thị trấn Mù Cang Chải | 6.170.000 |
| 10  | Các tuyến đường khác còn lại                                 | 420.000   |

## BẢNG 5: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN TRẠM TẤU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

| STT | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|---|---|
| (1) | (2)   | (3)   |
| 2   | Đường Trạm Tấu - Bắc Yên  |   |
| 2.4 | Đoạn tiếp theo hết đất thị trấn   | 1.000.000                                     |
| 19  | Đoạn đường từ Trạm Tấu - Bắc Yên phía sau Huyện ủy lên sân bóng Giàng Cửa Láy | 500.000                                       |
| 20  | Đường nối từ đường Tỉnh 174 sang đường Trạm Tấu - Bắc Yên                     | 1.800.000                                     |



**B. ĐẤT Ở NÔNG THÔN**

| STT | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|--|---|
| (1) | (2)  | (3)   |
| 1   | <b>XÃ XÀ HỒ</b>  |   |
| 1.1 | Đoạn từ cầu Nậm Hát đến hết trường phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Xà Hồ | 550.000                                       |
| 1.2 | Đoạn tiếp theo đến Km3   | 280.000                                       |
| 1.3 | Đoạn cách trụ sở UBND xã 400 m về 2 phía                                   | 300.000                                       |
| 1.4 | Đoạn từ giáp thôn Hát 2, xã Hát Lừu đến chòm Cu Vai                        | 280.000                                       |
| 1.5 | Các đường liên thôn khác còn lại   | 140.000                                       |



**BẢNG 6: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN VĂN CHẤN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)**


| STT      | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(ĐỒNG/m <sup>2</sup> ) |
|----------|---|---|
| (1)      | (2)   | (3)   |
| <b>I</b> | <b>THỊ TRẤN SƠN THỊNH</b>   |   |
| <b>1</b> | <b>Trục đường QL32</b>  |   |
| 1.1      | Đoạn từ giáp xã Đồng Khê đến đầu cầu Bản Đồn  | 1.500.000                                     |
| 1.2      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Trần Thái Hòa  | 2.300.000                                     |
| 1.3      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nguyễn Quốc Khánh  | 2.000.000                                     |
| 1.4      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Hà Thị Lễ   | 1.800.000                                     |
| 1.5      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Thập   | 3.000.000                                     |
| 1.6      | Đoạn từ đường Sơn Thịnh (hết ranh giới đất ông Trần Quang Chiển) đến hết ranh giới đất thị trấn Sơn Thịnh (giáp xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ) | 2.000.000                                     |
| <b>2</b> | <b>Đường Sơn Thịnh</b>  |   |
| 2.1      | Đoạn từ cổng chào huyện Văn Chấn đến ngã 3 Suối Giàng (hết ranh giới đất bà Vũ Thị Loan – TDP Phiêng 1)                                       | 4.000.000                                     |
| 2.2      | Đoạn tiếp theo đến Sân vận động huyện Văn Chấn (hết ranh giới đất ông Đào Văn Ngân)   | 6.000.000                                     |
| 2.3      | Đoạn tiếp theo đến ngã tư đèn đỏ (đường vào cầu Nậm Bung)   | 7.500.000                                     |
| 2.5      | Đoạn tiếp theo đến ngã tư Bưu Điện – Chợ  | 9.000.000                                     |
| 2.6      | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Tổ dân phố Suối Khoáng (hết ranh giới đất ông Trần Quang Chiển)  | 6.000.000                                     |
| <b>3</b> | <b>Trục đường nội thị Khu Trung Tâm</b>   |   |
| 3.1      | Đường Lũng Lô (Đoạn tiếp giáp đường Sơn Thịnh - Suối Giàng đến ranh giới đất nhà bà Hoàng Thị Lọng)   | 3.500.000                                     |

|          |  |           |
|----------|--|-----------|
| 3.2      | Đường Lũng Lô (Đoạn từ đất nhà bà Hoàng Thị Lọng đến đường bê tông kè Suối Nhì)                          | 3.000.000 |
| 3.3      | Đường từ cổng chào tổ dân phố Sơn Lọng đến hết đất nhà ông Đinh Văn Doanh (Yến)                          | 1.500.000 |
| 3.4      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Đặng Thị Phụng (tổ dân phố Văn Thi 4)                            | 800.000   |
| 3.5      | Đường nội bộ (Khu đấu giá tổ dân phố Sơn Lọng)   | 2.000.000 |
| 3.6      | Đường nhánh 1,2,3,4,5,6  | 3.500.000 |
| 3.7      | Đường Phiêng 1   | 3.200.000 |
| 3.8      | Đường Hoàng Văn Thọ (Đoạn từ đất nhà ông Lò Văn Tiên - TDP Sơn Lọng đến ngã tư đèn đỏ)                   | 4.000.000 |
| 3.9      | Nhánh C- Đoạn đường sau cổng chào tổ dân phố Phiêng 1  | 1.500.000 |
| 3.10     | Đường Bờ Kè (Từ nhà ông Đinh Văn Kứu đến tiếp giáp đường Lũng Lô)  | 1.500.000 |
| <b>4</b> | <b>Khu Hồng Sơn</b>  |           |
| 4.1      | Đường Nhánh 9  | 3.500.000 |
| 4.2      | Đường Cửa Nhì  | 3.500.000 |
| 4.3      | Đường Hồng Sơn   | 3.000.000 |
| 4.4      | Đường Trần Thành   | 3.500.000 |
| 4.5      | Đoạn từ Trung tâm y tế huyện Văn Chấn đến hết ranh giới đất ông Hoàng Văn Thắng (tổ dân phố Suối Khoáng) | 2.000.000 |
| 4.6      | Đoạn từ ranh giới đất nhà ông Sa Văn Huân đến hết ranh giới đất ông Vi Quang Thiêm                       | 3.000.000 |
| 4.7      | Các tuyến đường bê tông nội bộ tổ dân phố Suối Khoáng  | 1.000.000 |
| 4.8      | Đường nội bộ (Khu đấu giá tổ dân phố Hồng Sơn)   | 2.500.000 |
| 4.9      | Đường Nội bộ (Khu Tái định cư tổ dân phố Hồng Sơn)   | 1.500.000 |
| <b>5</b> | <b>Khu Đồng Ban</b>  |           |
| 5.1      | Đường nội bộ (Khu đấu giá tổ dân phố Đồng Ban)   | 2.800.000 |

|          |  |           |
|----------|--|-----------|
| 5.2      | Đoạn từ ngã tư Bưu điện đến cầu treo đi Thác Hoa 3   | 2.500.000 |
| 5.3      | Đường Trục tổ dân phố Đồng Ban (Từ đất ông Đào Ngọc Đoan đến hết ranh giới đất bà Đinh Thị Tiên)       | 1.000.000 |
| <b>6</b> | <b>Khu Thác Hoa</b>  |           |
| 6.1      | Đường Hoàng Văn Thọ (từ ngã tư đèn đỏ đến Trường PTDT nội trú – THCS huyện Văn Chấn)                   | 3.500.000 |
| 6.2      | Đường Thác Hoa   | 3.000.000 |
| 6.3      | Đoạn từ lối rẽ nhà chè của đội Thác Hoa 3 đến hết ranh giới đất bà Đinh Thị Dung                       | 1.500.000 |
| 6.4      | Trục đường tổ dân phố Thác Hoa (Từ cổng công ty Đông Dược Thế Gia đến ngã ba Nhà văn hóa Phù Sơn cũ)   | 1.400.000 |
| 6.5      | Đoạn từ cầu thủy lợi Phù Sơn đến đất nhà ông Triệu Văn Mong (tổ dân phố Thác Hoa)                      | 1.000.000 |
| 6.6      | Các đoạn đường trong tổ dân phố An Thịnh   | 1.000.000 |
| <b>7</b> | <b>Đường Sơn Thịnh - Suối Giàng</b>  |           |
| 7.1      | Đường Phiêng 2 (Đoạn từ QL 32 đến đầu đường Lũng Lô – hết ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Quý)           | 4.000.000 |
| 7.2      | Đường Phiêng 2 (Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất nhà ông Hà Thế)                                   | 3.000.000 |
| 7.3      | Đường Phiêng 2 (Đoạn tiếp theo đến Cầu trắng Văn Thi 3)  | 2.500.000 |
| 7.4      | Đường Trục TDP Văn Thi 3 (Đoạn từ cổng chào TDP Văn Thi 3 đến hết ranh giới đất bà Hoàng Thị Kim Ngân) | 1.000.000 |
| 7.5      | Đoạn tiếp theo đường Phiêng 2 hết ranh giới ông Vũ Đức Văn   | 2.000.000 |
| 7.6      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới thị trấn Sơn Thịnh  | 1.000.000 |
| <b>8</b> | <b>Các tuyến đường khác còn lại</b>  | 500.000   |



**B. ĐẤT Ở NÔNG THÔN**



| STT        | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| (1)        | (2)  | (3)   |
| <b>I</b>   | <b>XÃ CHÂN THỊNH</b>   |   |
| <b>1</b>   | <b>Trục đường Đại Lịch - Minh An (Tỉnh Lộ 173)</b>                           |   |
| 1.1        | Đoạn giáp xã Đại Lịch đến hết ranh giới đất ông Thắng                        | 1.600.000                                     |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Hùng                                | 1.800.000                                     |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Long                                | 2.500.000                                     |
| 1.4        | Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Tuấn                                    | 2.600.000                                     |
| 1.5        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Đăng                                | 2.300.000                                     |
| 1.6        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Nghĩa                               | 2.950.000                                     |
| 1.7        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Xuân                                | 2.300.000                                     |
| 1.8        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Linh                                 | 3.200.000                                     |
| 1.9        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Nhâm                                 | 2.000.000                                     |
| 1.10       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất bà Yên                                  | 1.800.000                                     |
| 1.11       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ông Mơ (giáp xã Bình Thuận)             | 1.100.000                                     |
| 1.12       | Đường nội bộ (Khu đầu giá thôn Cao 2)  | 2.700.000                                     |
| <b>II</b>  | <b>XÃ THƯỢNG BẰNG LA</b>   |   |
| <b>3</b>   | <b>Đoạn từ chợ vào UBND xã Thượng Bằng La</b>                                |   |
| 3.1        | Đoạn từ nhà ông Bùi Văn Ứng đến hết ranh giới đất UBND xã Thượng Bằng La     | 1.000.000                                     |
| 3.2        | Đoạn tiếp theo đến cầu bến Rim thôn Vằm                                      | 700.000                                       |
| <b>III</b> | <b>XÃ ĐỒNG KHÊ</b>   |   |
| <b>5</b>   | <b>Đoạn từ cầu treo Suối Đao đến hết ranh giới đất nhà ông Đình Văn Viên</b> | 400.000                                       |



**BẢNG 7: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN VĂN YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)**

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| (1)       | (2)  | (3)   |
| <b>I</b>  | <b>THỊ TRẤN MẬU A</b>  |   |
| <b>25</b> | <b>Đường nội bộ khu đấu giá tổ dân phố số 5 (Đường khu phố 2 cũ)</b>           |   |
| 25.1      | Đoạn từ đường Ngô Gia Tự đến đường rẽ ra Trạm Khuyến nông                      | 2.200.000                                     |
| 25.2      | Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà ông Soạn                                      | 2.000.000                                     |
| 25.3      | Các đường ngang còn lại trong khu  | 1.600.000                                     |
| <b>26</b> | <b>Đường Lê Hồng Phong đi đường Trần Phú (đường tổ 5 đi tổ 6 khu phố 2 cũ)</b> |   |
| 26.1      | Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến hết ranh giới nhà bà Miện                      | 1.265.000                                     |
| 26.2      | Đoạn tiếp theo đến đường Trần Phú  | 1.140.000                                     |
| 26.3      | Đoạn tiếp theo đến đường Nguyễn Khuyến   | 825.000                                       |
| <b>31</b> | <b>Đường nội bộ trong khu đô thị mới tổ dân phố số 7</b>                       | 5.000.000                                     |



**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| <b>I</b>  | <b>XÃ AN BÌNH</b>  |   |
| <b>4</b>  | <b>Đường Cầu vượt đường sắt An Bình</b>  |   |
| 4.1       | Đoạn từ nhà hàng Hương Vân đến hết Khu tái định cư Cầu vượt đường sắt An Bình  | 5.000.000                                     |
| 4.2       | Đoạn tiếp theo đến hết Khu tái định cư Khu dân cư nông thôn mới (Khu 1- khu 2) | 5.000.000                                     |
| 4.3       | Đoạn tiếp theo đến điểm nối tỉnh lộ 164 đường An Bình - Lâm Giang              | 5.000.000                                     |
| 4.4       | Đường nội bộ trong Khu tái định cư Khu dân cư nông thôn mới (Khu 1- khu 2)     | 4.000.000                                     |
| <b>II</b> | <b>XÃ YÊN THÁI</b>   |   |
| <b>1</b>  | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang</b>  |   |
| 1.1       | Đoạn từ giáp ranh giới huyện Trấn Yên đến hết ranh giới nhà ông Hùng Thuận     | 200.000                                       |
| 1.2       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Mẫn Khang                             | 470.000                                       |
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Thái Tám                              | 400.000                                       |
| 1.4       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hải Thanh                             | 430.000                                       |
| 1.5       | Đoạn tiếp theo đến Cầu Tây   | 470.000                                       |
| 1.6       | Đoạn tiếp theo đến cổng ông Bảo  | 300.000                                       |
| 1.7       | Đoạn tiếp theo đến đỉnh Dốc Trạng  | 260.000                                       |
| 1.8       | Đoạn từ dốc 6000 đến cầu Trạng   | 330.000                                       |
| 1.9       | Đoạn tiếp theo đến dốc Lu  | 330.000                                       |
| <b>2</b>  | <b>Đường liên xã Yên Thái- Mậu A</b>   |   |
| 2.1       | Đoạn ngã ba đường Yên Bái - Khe Sang đến cầu Duy Tu                            | 460.000                                       |
| 2.2       | Đoạn nối tiếp từ cầu Duy Tu đến ao nhà bà Tâm                                  | 450.000                                       |

| STT        | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| 2.3        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà Thủy Nguyệt                           | 420.000                                       |
| 2.4        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà Tý Hường                              | 300.000                                       |
| 2.5        | Đoạn tiếp theo đến hết ngã ba nhà ông Huy                                  | 550.000                                       |
| 2.6        | Đoạn tiếp theo đến ngã ba nhà ông Cấp                                      | 500.000                                       |
| 2.7        | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Ngòi A  | 450.000                                       |
| 2.8        | Đoạn tiếp theo từ ngã 3 nhà ông Cấp đến dốc Lu                             | 450.000                                       |
| <b>3</b>   | <b>Đường vào đền Trạng (đường Yên Bái- Khe Sang cũ)</b>                    | 350.000                                       |
| <b>4</b>   | <b>Các đường liên thôn</b>   |   |
| 4.1        | Đường thôn Góc Nhội (đoạn từ nhà ông Tư đến nhà ông Luận)                  | 200.000                                       |
| 4.2        | Đường thôn Phố Nhoi (đoạn từ nhà ông Tới đến hết ranh giới nhà ông Phúc)   | 200.000                                       |
| 4.3        | Đường thôn 3 (đoạn từ nhà ông Bình đến hết ranh giới nhà bà Sinh)          | 200.000                                       |
| 4.4        | Đường thôn Khe Bốn (đoạn từ nhà ông Thủy đến hết ranh giới nhà ông Nhường) | 200.000                                       |
| <b>5</b>   | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>                                    | 200.000                                       |
| <b>III</b> | <b>XÃ XUÂN ÁI</b>  |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường Quy Mông - Đông An</b>  |   |
| 1.1        | Đoạn từ xã Quy Mông đến cầu Vật Dùng                                       | 220.000                                       |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo đến công khe nhà ông Nghĩa                                  | 300.000                                       |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hạc                               | 320.000                                       |
| 1.4        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Ca (Duyên)                        | 330.000                                       |
| 1.5        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Việt Đông                         | 350.000                                       |
| 1.6        | Đoạn tiếp theo đến Cầu Ngòi Viễn   | 400.000                                       |
| 1.7        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hoàng Yên                         | 500.000                                       |

| STT      | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|----------|--|---|
| 1.8      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Lành   | 700.000                                       |
| 1.9      | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ khu tái định cư  | 1.000.000                                     |
| 1.10     | Đoạn tiếp theo đến hết ngã tư công UBND xã   | 3.000.000                                     |
| 1.11     | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Thúc Yên  | 800.000                                       |
| 1.12     | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Yên Hợp   | 400.000                                       |
| <b>2</b> | <b>Đường Xuân Ái - Kiên Thành - Viễn Sơn</b>   |   |
| 2.1      | Đoạn từ Nhà văn hoá thôn Vật Dùng đến hết ranh giới nhà ông Hải                            | 150.000                                       |
| 2.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Viễn Sơn  | 150.000                                       |
| <b>3</b> | <b>Đường bên đò Hóp đi Viễn Sơn</b>  |   |
| 3.1      | Từ ranh giới nhà ông Nghiệp đến cầu Xi Mãng  | 200.000                                       |
| 3.2      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Hoà (Cao)  | 250.000                                       |
| 3.3      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới Trường tiểu học Xuân Ái                                   | 400.000                                       |
| 3.4      | Đoạn tiếp theo đến ngã tư UBND xã  | 1.500.000                                     |
| 3.5      | Đoạn tiếp theo đến hết nhà Đội thuế số 2   | 1.200.000                                     |
| 3.6      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hương Minh  | 700.000                                       |
| 3.7      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hùng Hợp  | 450.000                                       |
| 3.8      | Đoạn tiếp theo đến suối Lâm Sinh   | 350.000                                       |
| <b>4</b> | <b>Đường Nghĩa Lạc - Quyết Tiến</b> (đoạn từ ranh giới nhà bà Thê đến ngã 3 nhà ông Dương) | 170.000                                       |
| <b>5</b> | <b>Đường liên thôn</b>   |   |
| 5.1      | Đoạn từ cổng UBND xã Hoàng Thảng cũ đến Đập số 2 (Đầm Bèo Con)                             | 170.000                                       |
| 5.2      | Đoạn từ ranh giới đất bà Thêm đến Cổng nhà văn hóa thôn Cá Nội                             | 170.000                                       |

| STT       | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| 6         | Các đường liên thôn khác còn lại  | 150.000                                       |
| <b>IV</b> | <b>XÃ PHONG DỤ HẠ</b>   |   |
| <b>1</b>  | <b>Đường Đông An - Phong Dụ</b>   |   |
| 1.1       | Đoạn từ Khe Quang đến Khe Màng  | 250.000                                       |
| 1.2       | Đoạn tiếp theo đến ranh giới nhà ông Tiệp                                   | 800.000                                       |
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến ranh giới đất ông Lãm                                    | 1.800.000                                     |
| 1.4       | Đoạn tiếp theo đến Khe Cỏm  | 650.000                                       |
| 1.5       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Chuyên                             | 170.000                                       |
| 1.6       | Đoạn tiếp theo đến khe nhà ông Nhượng                                       | 250.000                                       |
| <b>2</b>  | <b>Đường UBND xã Phong Dụ Hạ đi Cầu treo (từ cổng UBND xã đến Cầu treo)</b> | 1.600.000                                     |
| <b>3</b>  | <b>Đường Thanh Niên (Thôn Lắc Mường)</b>                                    | 300.000                                       |
| <b>4</b>  | <b>Đường thôn 2 (từ ranh giới nhà ông Chanh đến trạm tiếp sóng)</b>         | 180.000                                       |
| <b>5</b>  | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>                                     | 130.000                                       |
| <b>V</b>  | <b>XÃ ĐÔNG AN</b>   |   |
| <b>7</b>  | <b>Đường rẽ Bến Phà (Đường Yên Bái - Khe Sang cũ)</b>                       | 200.000                                       |
| <b>VI</b> | <b>XÃ YÊN HỢP</b>   |   |
| <b>1</b>  | <b>Đường Quy Mông - Đông An</b>   |   |
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Thân                               | 950.000                                       |
| 1.4       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Hán                                | 1.100.000                                     |
| 1.5       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Tin                                 | 2.400.000                                     |

## BẢNG 8: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN TRẦN YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 1 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

| STT | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|---|---|
| I   | THỊ TRẤN CỎ PHÚC  |   |
| 2   | Đường Sông Thao   |   |
| 2.4 | Đoạn tiếp theo đến hết đất ở nhà ông Kiểm tổ dân phố số 1 | 4.960.000                                     |



## B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

| STT  | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|---|---|
| I    | <b>XÃ THÀNH THỊNH</b>   |   |
| 1    | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang</b>   |   |
| 1.1  | Đoạn từ giáp thị trấn Cổ Phúc đến công tiêu nước giáp nhà ông Hải thôn Phú Mỹ (thôn 5)                        | 700.000                                       |
| 1.2  | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà ông Điền thôn Phú Lan (thôn 6)   | 900.000                                       |
| 1.3  | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Đào Thịnh cũ nay thuộc thôn 04, xã Thành Thịnh.                               | 500.000                                       |
| 1.4  | Đoạn giáp ranh xã Việt Thành cũ thôn Phú Lan đến hết ranh giới đất ở nhà ông Doãn Văn Hạnh                    | 400.000                                       |
| 1.5  | Đoạn tiếp theo đến đường vào nhà ông Bùi Văn Kính   | 400.000                                       |
| 1.6  | Đoạn tiếp theo đến đường vào nhà ông Lê Lâm Tiến  | 500.000                                       |
| 1.7  | Đoạn tiếp theo qua đường ra khu tái định cư dự án đường sắt đến giáp nhà ông Phạm Văn Khánh                   | 800.000                                       |
| 1.8  | Đoạn tiếp theo đến cầu Đào Thịnh, xã Thành Thịnh  | 800.000                                       |
| 1.9  | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới trụ sở UBND xã Đào Thịnh cũ  | 700.000                                       |
| 1.10 | Đoạn tiếp theo đến giáp đường ra bến đò cũ  | 700.000                                       |
| 1.11 | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nhà ông Vũ Văn Lục  | 350.000                                       |
| 1.12 | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Báo Đáp   | 660.000                                       |
| 2    | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ Lan Đình (Từ đường Yên Bái - Khe Sang đến giáp ranh giới thị trấn Cổ Phúc)</b> | 350.000                                       |
| 3    | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ Đồng Phúc</b>  |   |
| 3.1  | Đoạn từ đường Yên Bái - Khe Sang đến đường sắt  | 280.000                                       |
| 3.2  | Đoạn tiếp theo từ đường sắt đến giáp xã Hoà Công  | 250.000                                       |
| 4    | <b>Đường ra bến đò (xã Việt Thành cũ) nay là xã Thành Thịnh</b>   | 280.000                                       |
| 5    | <b>Đường Lan Đình đi Thôn Phúc Đình (thôn 11)</b>   |   |

| STT  | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|---|---|
| 5.1  | Đoạn từ ngã ba nhà ông Thành thôn Phú Lan đến hết ranh giới nhà ông Hải thôn Phúc Đình ( thôn 11)   | 200.000                                       |
| 5.2  | Đoạn hết ranh giới đất ở nhà ông Tiến thôn Trúc Đình đến giáp ranh giới nhà ông Hưng thôn Phúc Đình | 200.000                                       |
| 6    | <b>Đường Đồng Phúc từ nhà ông Chiến đến hết ranh giới nhà ông Hội thôn Phú Thọ</b>                  | 200.000                                       |
| 7    | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang đi Khe Sáu</b>  |   |
| 7.1  | Đường Yên Bái - Khe Sang đến đường sắt  | 400.000                                       |
| 7.2  | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nhà văn hóa thôn 3  | 300.000                                       |
| 7.3  | Đoạn tiếp theo đến cầu Khe Mãng   | 300.000                                       |
| 7.4  | Đoạn tiếp theo đến nhà văn hóa thôn 5   | 300.000                                       |
| 7.5  | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà bà Đạt thôn 5  | 200.000                                       |
| 7.6  | Đoạn tiếp theo đến công qua đường cống ông Đắc  | 200.000                                       |
| 7.7  | Đoạn tiếp theo qua ngã ba nhà máy chè đến cầu ông Bảy (thôn 6) và đến cầu bà Kỷ (thôn 7)            | 300.000                                       |
| 7.8  | Đoạn từ cầu ông Bảy đến cầu ông Hội (thôn 6)  | 250.000                                       |
| 7.9  | Đoạn từ cầu ông Hội đến hết ranh giới đất ở nhà ông Trần Hưng Hải (                                 | 200.000                                       |
| 7.10 | Đoạn từ cầu bà Kỷ đến cầu ông Viêm (thôn 7)   | 250.000                                       |
| 7.11 | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lê Văn Đức (thôn 7)                                  | 200.000                                       |
| 7.12 | Đường thôn 5 rẽ xóm Đàm Sen đến hết ranh giới đất ở nhà ông Trần Văn Quân                           | 200.000                                       |
| 7.13 | Đường thôn 6 rẽ xóm Bồ Đề (đến cầu bà Lưu)  | 200.000                                       |
| 7.14 | Đường thôn 7 rẽ xóm Phai Giữa (đến hết ranh giới đất ở nhà ông Đình Ngọc Sử)                        | 200.000                                       |
| 8    | <b>Đường Yên Bái- Khe Sang đi Khe Mỹ</b>  |   |
| 8.1  | Đường Yên Bái- Khe Sang đến hết ranh giới đất ở nhà ông Vũ Văn Q                                    | 200.000                                       |

| STT        | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|---|---|
| 8.2        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Đặng Đình Vinh           | 200.000                                       |
| 8.3        | Đoạn tiếp theo đến cầu ông Trai   | 200.000                                       |
| <b>9</b>   | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang đi Khe Chanh</b>                            |   |
| 9.1        | Đường Yên Bái - Khe Sang đến hết ranh giới đất ở nhà ông Dương Ngọc Hải | 250.000                                       |
| 9.2        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Quang Vinh        | 250.000                                       |
| <b>10</b>  | <b>Đường ra khu tái định cư Dự án đường sắt</b>                         | 365.000                                       |
| <b>11</b>  | <b>Đường cổng chợ nối với khu TĐC dự án đường sắt</b>                   | 350.000                                       |
| <b>12</b>  | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>                                 | 200.000                                       |
| <b>II</b>  | <b>XÃ BÁO ĐÁP</b>   |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang</b>   |   |
| 1.1        | Đoạn giáp ranh xã Thành Thịnh đến đường sắt cắt đường bộ                | 1.320.000                                     |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo đường Yên Bái - Khe Sang mới đến ngã ba dốc Lim          | 2.200.000                                     |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến ngã 3 đường rẽ đi xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên        | 1.450.000                                     |
| 1.4        | Đoạn tiếp đến giáp xã Yên Thái  | 770.000                                       |
| <b>III</b> | <b>XÃ TÂN ĐỒNG</b>  |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường trục chính xã Tân Đồng</b>                                     |   |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến ngã ba Khe Phúc                                      | 500.000                                       |
| 1.4        | Đoạn tiếp theo đến Đèo Thao   | 320.000                                       |
| <b>IV</b>  | <b>XÃ HUNG KHÁNH</b>  |   |
| <b>2</b>   | <b>Quốc lộ 37 đi Hưng Thịnh</b>   |   |
| 2.2        | Đoạn tiếp theo đến đường vào khu tái định cư núi Vĩ                     | 500.000                                       |
| 2.3        | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Hưng Thịnh                              | 300.000                                       |

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| <b>4</b>  | <b>Quốc lộ 37 đi Phương Đạo</b>  |   |
| 4.1       | Đoạn từ Quốc lộ 37 đến nhà ông Tấn thôn Khe Ngang  | 950.000                                       |
| <b>11</b> | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>  | 300.000                                       |
| <b>V</b>  | <b>XÃ HỒNG CA</b>  |   |
| <b>2</b>  | <b>Đường trung tâm xã</b>  |   |
| 2.1       | Đoạn từ công trụ sở UBND xã đến chợ trung tâm  | 1.000.000                                     |
| 2.2       | Đoạn từ công trụ sở UBND xã đến trạm biến áp trung tâm   | 1.000.000                                     |
| <b>VI</b> | <b>XÃ MINH QUÂN</b>  |   |
| <b>1</b>  | <b>Quốc lộ 32C</b>   |   |
| 1.1       | Đoạn giáp xã Giới Phiên đến đường rẽ xóm Hàm thôn Đức Quân                                     | 1.300.000                                     |
| 1.2       | Đoạn tiếp theo đến ghènh Vật Lợn   | 900.000                                       |
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                              | 700.000                                       |
| <b>2</b>  | <b>Quốc lộ 32C đi thôn Hòa Quân Quốc Lộ 32C đi thôn Hòa Quân đến giáp ranh thôn Trục Thanh</b> | 300.000                                       |
| <b>3</b>  | <b>Quốc lộ 32C đi xóm Long Bao (Hoà Quân)</b>  |   |
| 3.1       | Đoạn từ Quốc lộ 32C đến nhà ông Viễn   | 400.000                                       |
| 3.2       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Tý  | 300.000                                       |
| <b>4</b>  | <b>Quốc lộ 32C đi thôn Liên Hiệp</b>   |   |
| 4.1       | Đoạn từ Quốc lộ 32C đến hết ranh giới đất ở nhà ông Loan                                       | 400.000                                       |
| 4.2       | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Bảo Hưng cũ   | 300.000                                       |
| <b>5</b>  | <b>Quốc lộ 32C đi thôn Ngọn Ngòi</b>   |   |
| 5.1       | Đoạn Quốc lộ 32C đến trường Mầm non thôn Linh Đức (tái định cư đường cao tốc)                  | 500.000                                       |
| 5.2       | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới ở nhà ông Cấp thôn Linh Đức                                   | 450.000                                       |

| STT  | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|---|---|
| 5.3  | Đoạn tiếp theo từ nhà ông Cấp đến hết ranh giới ở nhà ông Dự thôn Đồng Danh   | 350.000                                       |
| 5.4  | Đường Âu Cơ đi xã Bảo Hưng cũ   | 500.000                                       |
| 6    | <b>Quốc lộ 32C đến giáp hồ Đàm Hậu</b>  | 400.000                                       |
| 7    | <b>Đường nối từ Quốc lộ 32C vào khu tái định cư thôn Hòa Quân</b>   | 1.200.000                                     |
| 8    | <b>Đường Âu Cơ</b>  |   |
| 8.1  | Đoạn giáp ranh xã Giới Phiên đến hết địa phận xã Bảo Hưng cũ  | 8.000.000                                     |
| 8.2  | Đoạn tiếp theo đến hết địa phận xã Minh Quân  | 5.500.000                                     |
| 9    | <b>Đường vào khu tái định cư thôn Ngọn Ngòi</b>   | 1.200.000                                     |
| 10   | <b>Đường nút giao IC12 đi Vân Hội đoạn qua xã Minh Quân</b>   | 4.000.000                                     |
| 11   | <b>Quốc lộ 32C đi Minh Quân</b> (Đoạn ngã ba Bảo Hưng cũ đi ngã ba Bò Đái đến giáp ranh phường Hợp Minh, TP Yên Bái)  | 600.000                                       |
| 12   | <b>Đường Hợp Minh - Mỹ đi Minh Quân</b> (Đoạn giáp ranh phường Hợp Minh, TP Yên Bái đến ngã ba Bảo Hưng cũ)   | 1.000.000                                     |
| 13   | <b>Đường Hợp Minh - Minh Quân</b>   |   |
| 13.1 | Đoạn ngã ba Bảo Hưng cũ đến giáp ranh giới nhà ông Đạt thôn Bảo L   | 950.000                                       |
| 13.2 | Đoạn tiếp theo qua ngã ba UBND xã Bảo Hưng cũ đến đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai   | 1.200.000                                     |
| 13.3 | Đoạn tiếp theo đến đường Âu Cơ thôn Trục Thanh  | 1.000.000                                     |
| 13.4 | Đoạn giáp đường Âu Cơ đến ngã ba Bẫy Bạch   | 800.000                                       |
| 13.5 | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thôn Hòa Quân  | 500.000                                       |
| 13.6 | Đoạn rẽ đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai hướng đi nhà ông Quốc thôn Bảo Lâm đến đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn cổng nhà ông Cùng thôn Ngòi Đông. | 600.000                                       |

| STT  | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|--|---|
| 13.7 | Đoạn rẽ đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo hướng đường bê tông đi nhà văn hóa thôn Ngòi Đông đến đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn rẽ nhà ông Tuất thôn Ngòi Đông | 600.000                                       |
| 13.8 | Đoạn đường rẽ khu tái định cư thôn Ngòi Đông đến đường bê tông (công nhà ông Thắng Mỹ, thôn Trục Thanh).   | 1.300.000                                     |
| 13.9 | Đoạn ngã ba nhà ông Biên thôn Đồng Quýt qua khu tái định cư thôn Đồng Quýt đến hết ranh giới nhà ông Sơn thôn Chiến Khu  | 1.200.000                                     |
| 14   | <b>Đường ngã ba Bẫy Bạch đi xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái</b>   | 300.000                                       |
| 15   | <b>Đường ngã ba UBND xã Bảo Hưng cũ đi thôn Ngọn Ngòi, xã Minh Quân</b>  |   |
| 15.1 | Đoạn ngã ba trung tâm xã Bảo Hưng cũ đến hết đất ở nhà bà Ngọc thôn Khe Ngay (giáp đường vào nhà ông Lành)   | 550.000                                       |
| 15.2 | Đoạn tiếp theo đến cầu ông Nghiễm thôn Khe Ngay  | 400.000                                       |
| 15.3 | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thôn Ngọn Ngòi  | 300.000                                       |
| 16   | <b>Đường ngã ba ông Dũng thôn Khe Ngay đi thôn Bình Trà đến giáp thôn Liên Hiệp</b>  |   |
| 16.1 | Đường từ ngã ba ông Dũng thôn Khe Ngay đến cầu Bình Trà (phía bên thôn Khe Ngay), xã Bảo Hưng cũ   | 1.500.000                                     |
| 16.2 | Đoạn tiếp theo đến nhà Văn hóa thôn Bình Trà, xã Bảo Hưng cũ   | 2.500.000                                     |
| 16.3 | Từ ngã ba cây xăng Cương Anh đến cổng vào nhà ông Phan Thanh Hồng thôn Bình Trà  | 4.000.000                                     |
| 16.4 | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới trạm trộn bê tông công ty Bạch Đằng   | 2.000.000                                     |
| 16.5 | Đoạn tiếp theo đến giáp thôn Liên Hiệp, xã Minh Quân   | 500.000                                       |
| 17   | <b>Đoạn từ ngã ba Nhà Thờ đi nhà văn hoá thôn Chiến Khu đến thôn Bảo Lâm giáp với Nhà văn hoá thôn Bảo Lâm</b>   | 700.000                                       |
| 18   | <b>Đường vào khu tái định cư thôn Trục Thanh</b>   | 3.000.000                                     |
| 19   | <b>Đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai</b>   |   |

| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| 19.1      | Đoạn giáp ranh phường Hợp Minh, TP Yên Bái đến ngã ba đường rẽ đi Bệnh viện Lao Phổi Yên Bái   | 7.000.000                                     |
| 19.2      | Đoạn tiếp theo đến hết đất thôn Khe Ngay (điểm đất ở nhà ông Phan Văn Sự thôn Khe Ngay)  | 6.500.000                                     |
| 19.3      | Đoạn tiếp theo đến ngã tư cây xăng Cương Anh thôn Bình Trà   | 8.250.000                                     |
| 19.4      | Đoạn giáp ranh xã Giới Phiên, TP Yên Bái đến ngã tư gặp đường Âu Cơ (thuộc thôn Trục Thanh, xã Bảo Hưng)   | 4.500.000                                     |
| 19.5      | Đoạn tiếp theo đến hết đất xã Bảo Hưng cũ  | 5.500.000                                     |
| 19.6      | Đoạn tiếp theo đến hết xã Minh Quân  | 5.000.000                                     |
| 19.7      | Đoạn đường nối từ ngã ba ông Đào Quang Vinh thôn Đoàn Kết hướng đi bệnh viện Lao Phổi đến hết đất thôn Ngòi Đông, xã Bảo Hưng cũ                                     | 3.500.000                                     |
| <b>20</b> | <b>Đường vào khu tái định cư cụm công nghiệp thôn Trục Thanh, xã Minh Quân</b>   |   |
| 20.1      | Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 10,5m có khoảng cách đến đường Âu Cơ khoảng 100m, (từ lô số 15 đến lô số 27 theo BĐ phân lô số 10/2020/BĐ-PL)  | 5.060.000                                     |
| 20.2      | Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 6,0m có khoảng cách đến đường Âu Cơ khoảng 100m, (từ lô số 28 đến lô số 34 theo BĐ phân lô số 10/2020/BĐ-PL)   | 4.600.000                                     |
| 20.3      | Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 10,5m có khoảng cách đến đường Âu Cơ khoảng 200m, từ lô số 35 đến lô số 40 theo BĐ phân lô số 10/2020/BĐ-PL))  | 4.900.000                                     |
| 20.4      | Các thửa đất có một mặt tiếp giáp với đường nội bộ R: 6,0m có khoảng cách đến đường Âu Cơ khoảng 200m ( từ lô số 41 đến lô số 49 theo BĐ phân lô số 10/2020/BĐ-PL))) | 4.200.000                                     |
| <b>21</b> | <b>Đường vào khu tái định cư khu, cụm công nghiệp Trấn Yên tại thôn Trục Thanh, xã Minh Quân (giai đoạn 2)</b>   |   |
| 21.1      | Các thửa đất có một mặt tiền tiếp giáp với đường nội bộ trục chính bề rộng mặt đường 10,5m, hành lang mỗi bên 5m .   | 4.200.000                                     |

| STT        | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|---|---|
| 21.2       | Các thửa đất có một mặt tiền tiếp giáp với đường nội bộ trục chính bề rộng mặt đường 7,5m, hành lang mỗi bên 3m . | 3.200.000                                     |
| 22         | Các đường liên thôn khác còn lại  | 300.000                                       |
| <b>VII</b> | <b>XÃ Y CAN</b>   |   |
| <b>1</b>   | <b>Tỉnh lộ 166 (Đường Âu Lâu - Quy Mông cũ)</b>   |   |
| 1.1        | Đoạn từ cổng nhà ông Lâm Đức Toàn thôn Minh Phú đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lương thôn Hồng Tiến              | 370.000                                       |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo hết ranh giới đất ở nhà ông Lương thôn Hồng Tiến   | 370.000                                       |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Kim Cương thôn Quang Minh                                   | 370.000                                       |
| 1.4        | Đoạn từ cổng nhà ông Nguyễn Văn Lộc (cải) đến cầu Ngòi Xẻ thôn Quang Minh   | 370.000                                       |
| 1.5        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Văn Mãi thôn Hạnh Phúc                                      | 390.000                                       |
| <b>2</b>   | <b>Đoạn từ nhà bà Gấm thôn Quyết Tiến đến nhà ông Hoàn thôn Quyết Tiến</b>  | 250.000                                       |
| <b>3</b>   | <b>Quốc lộ 37 đi Cầu Rào</b>  |   |
| 3.1        | Đoạn từ giáp xã Lương Thịnh đến hết ranh giới đất ở nhà ông Hùng Hội thôn Quyết Thắng                             | 250.000                                       |
| 3.2        | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Quy Mông  | 250.000                                       |
| <b>4</b>   | <b>Ngã ba Minh An (nhà ông Định) qua thôn Hạnh Phúc đến giáp ranh đường Âu Lâu - Quy Mông</b>                     |   |
| 4.1        | Đoạn từ hết ranh giới đất ở nhà ông Định qua thôn Hạnh Phúc đến hết ranh giới đất ở nhà ông Chân                  | 250.000                                       |
| 4.2        | Đoạn tiếp theo giáp ranh đường tỉnh Lộ 163  | 300.000                                       |
| <b>5</b>   | <b>Đoạn từ hết ranh giới đất ở nhà ông Khoa giáp ranh thôn Đồng Song, xã Kiên Thành</b>                           | 250.000                                       |
| <b>6</b>   | <b>Từ ranh giới đất ở nhà ông Nguyễn Tiến Lương đến hết ranh giới đất ở bà Hoàng Thị Lý thôn Bình Minh</b>        | 350.000                                       |

| STT  | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------|--|---|
| 7    | Đoạn từ nhà ông Lương thôn Bình Minh đến giáp đường ra bến<br>đò thôn Hạnh Phúc                                | 250.000                                       |
| 8    | Đường tỉnh lộ 166 (đường Âu Lâu- Quy Mông) qua trường tiểu<br>học & THCS Y Can đi thôn Hồng Tiến               |   |
| 8.1  | Đường tỉnh lộ 166 (đường Âu Lâu- Quy Mông) qua trường tiểu học<br>& THCS Y Can đến hết nhà bà Tịnh             | 350.000                                       |
| 8.2  | Đoạn tiếp theo đi thôn Hồng Tiến   | 250.000                                       |
| 9    | Đường đi thôn 2 (Quang Minh) đoạn từ Hội trường thôn Quang<br>Minh đến hết ranh giới đất ở nhà ông Toàn        | 250.000                                       |
| 10   | Đường đi thôn 6 (Minh Phú)   |   |
| 10.1 | Đoạn từ cổng nhà ông Hiền đi Khe Chàm  | 250.000                                       |
| 10.2 | Đoạn từ cổng chui đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai qua nhà ông<br>Sơn Khiêm đến hết ranh giới đất ở nhà ông Nam | 250.000                                       |
| 11   | Đường đi thôn Hồng Tiến  |   |
| 11.1 | Đoạn từ ngã tư nhà ông Bình đi qua cổng nhà ông Hồng đến hội<br>trường thôn Hồng Tiến                          | 250.000                                       |
| 11.2 | Đoạn từ ngã tư nhà ông Kiều qua nghĩa địa thôn Hồng Tiến đến<br>ranh giới đất ở nhà ông Cường                  | 250.000                                       |
| 12   | Đường đi thôn Quang Minh đoạn từ cổng nhà ông Sơn Mai đến<br>cổng nhà ông Khỏe                                 | 250.000                                       |
| 13   | Đường tỉnh lộ 163 đi cầu Cổ Phúc   | 7.550.000                                     |
| 14   | Đường nối tỉnh 163 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai   |   |
| 14.1 | Đoạn giáp ranh xã Âu Lâu đến tái định cư thôn Quang Minh   | 2.590.000                                     |
| 14.2 | Đoạn tái định cư thôn Quang Minh, xã Y Can đến hết nhà ông Điền<br>ra bến đò (Trạm biến áp thôn Hạnh Phúc)     | 2.590.000                                     |
| 14.3 | Đoạn tiếp theo đến UBND xã Y Can   | 6.140.000                                     |
| 14.4 | Đoạn tiếp theo đến cầu Cổ Phúc   | 7.548.000                                     |
| 14.5 | Đoạn tiếp theo đến cầu Ngòi Gù   | 5.500.000                                     |

| STT         | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-------------|---|---|
| 15          | <b>Đoạn tiếp theo đường Âu Lâu - Quy Mông cũ đến giáp ranh xã Quy Mông</b>                |   |
| 15.1        | Đoạn tiếp theo từ cầu Ngòi Gù đến hết ranh giới đất ở nhà ông Bùi Đức Vân thôn Quyết Tiến | 3.065.000                                     |
| 15.2        | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Quy Mông   | 500.000                                       |
| 16          | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>   | 200.000                                       |
| <b>VIII</b> | <b>XÃ QUY MÔNG</b>  |   |
| <b>1</b>    | <b>Đường Âu Lâu - Quy Mông</b>  |   |
| 1.1         | Đoạn giáp ranh xã Y Can đến cầu Rào   | 700.000                                       |
| 1.2         | Đoạn tiếp theo qua chợ đến cầu Bản Chìm   | 1.800.000                                     |
| 1.3         | Đoạn tiếp theo đến Góc Thị  | 1.500.000                                     |
| 1.4         | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Xuân Ái, huyện Văn Yên                                    | 600.000                                       |
| <b>2</b>    | <b>Đường Quy Mông - Kiên Thành</b>  |   |
| 2.1         | Đoạn cầu Ngòi Rào đến qua ngã 3 xã Quy Mông đến giáp ranh giới đất ông Bình thôn Tân Việt | 600.000                                       |
| 2.2         | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Kiên Thành  | 350.000                                       |
| <b>3</b>    | <b>Đường ngã ba đến giáp ranh xã Y Can</b>  | 300.000                                       |
| <b>4</b>    | <b>Đường Tân Thịnh đi Tân Cường đến giáp xã Kiên Thành</b>                                |   |
| 4.1         | Đoạn rẽ từ đường Âu Lâu - Quy Mông đến trường tiểu học Quy Mông                           | 550.000                                       |
| 4.2         | Đoạn tiếp theo đến giáp nhà ông Khánh Thảo  | 350.000                                       |
| 4.3         | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Kiên Thành  | 250.000                                       |
| <b>5</b>    | <b>Đường Âu Lâu - Quy Mông qua UBND xã đi Hợp Thành</b>                                   |   |
| 5.1         | Đoạn từ nhà ông Mai qua UBND xã đến hết ranh giới đất ở nhà bà Tỉnh thôn Tân Thành        | 600.000                                       |

| STT       | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| 5.2       | Đoạn tiếp theo đến ngã ba Hợp Thành   | 350.000                                       |
| 6         | Đoạn từ ngã 3 Hợp Thành đi thôn Thịnh Bình đến giáp xã Xuân Ái, huyện Văn Yên | 250.000                                       |
| 7         | Đoạn từ ngã 3 thôn Hợp Thành đi ngã ba nhà ông Duẩn                           | 250.000                                       |
| 8         | Các đường liên thôn khác còn lại  | 200.000                                       |
| <b>IX</b> | <b>XÃ KIÊN THÀNH</b>  |   |
| 1         | <b>Đường Quy Mông - Kiên Thành</b>  |   |
| 1.1       | Đoạn giáp xã Quy Mông đến Ngâm Đồi  | 200.000                                       |
| 1.2       | Đoạn từ Ngâm Đồi đến ngã ba chợ   | 600.000                                       |
| 2         | Ngã ba Ngâm Đồi đi Đồng Song  | 200.000                                       |
| 3         | Đường ngã ba chợ đi xã Xuân Ái, huyện Văn Yên                                 |   |
| 3.1       | Đoạn từ ngã ba chợ đến cổng Trạm Y tế   | 600.000                                       |
| 3.2       | Đoạn từ trạm Y tế đến hết ranh giới đất ở nhà bà Thanh thôn Đồng Cát          | 200.000                                       |
| 3.3       | Đoạn tiếp theo đến xã Xuân Ái, huyện Văn Yên                                  | 150.000                                       |
| 4         | <b>Đường ngã ba chợ đi bản Đồng Ruộng</b>                                     |   |
| 4.1       | Đoạn từ ngã ba chợ đến hết ranh giới đất ở nhà ông Phan thôn Yên Thịnh        | 500.000                                       |
| 4.2       | Đoạn tiếp theo đến hết thôn Đồng Ruộng  | 150.000                                       |
| 5         | Các đường liên thôn khác còn lại  | 120.000                                       |
| <b>X</b>  | <b>XÃ HOÀ CUÔNG</b>   |   |
| 1         | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang đi Hoà Cuông</b>                                  |   |
| 1.1       | Đoạn giáp ranh thị trấn Cỏ Phúc đến hết đất ở nhà ông Nguyễn Văn Quyết thôn 5 | 300.000                                       |
| 1.2       | Đoạn tiếp theo đến giáp đất ở nhà ông Trần Văn Thắng thôn 3                   | 500.000                                       |

| STT       | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| 1.3       | Đoạn tiếp theo đến Ngã ba ông Láng                                    | 250.000                                       |
| <b>2</b>  | <b>Ngã 3 ông Toàn thôn 4 đi xã Minh Quán</b>                          |   |
| 2.1       | Ngã 3 ông Toàn đến công ông Tuyên thôn 4                              | 170.000                                       |
| 2.2       | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh xã Minh Quán                             | 170.000                                       |
| <b>3</b>  | <b>Ngã 3 ông Láng đi thôn 1 đến giáp ranh xã Thành Thịnh</b>          | 170.000                                       |
| <b>4</b>  | <b>Ngã 3 ông Láng đi thôn 2 đến giáp xã Tân Hương, huyện Yên Bình</b> | 120.000                                       |
| <b>5</b>  | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>                               | 100.000                                       |
| <b>XI</b> | <b>XÃ MINH QUÁN</b>   |   |
| <b>2</b>  | <b>Đường Minh Quán - Cường Thịnh</b>                                  |   |
| 2.1       | Đoạn từ hang Dơi đến Đập 3  | 220.000                                       |
| 2.2       | Đoạn tiếp theo đến Đập 2  | 270.000                                       |
| 2.3       | Đoạn tiếp theo đến ngã ba Đập 1                                       | 420.000                                       |
| 2.4       | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ xóm Minh Hưng                             | 600.000                                       |
| 2.5       | Đoạn tiếp theo đến ngã ba Khe Đá                                      | 830.000                                       |
| 2.6       | Đoạn tiếp theo đến hết đất ở hộ ông Bùi Văn Tấn                       | 600.000                                       |
| 2.7       | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Cường Thịnh                                | 420.000                                       |
| 2.8       | Đoạn ngã ba khe Đá đến giáp đất ở hộ bà Trần Thị Vân                  | 830.000                                       |
| 2.9       | Đoạn tiếp theo đến Nhà máy Z183                                       | 600.000                                       |
| <b>3</b>  | <b>Đoạn ngã ba Đập 1 đi Ngọn Ngòi đi nhà máy Z 183</b>                |   |
| 3.1       | Đoạn ngã ba Đập 1 đến giáp Nhà văn hóa thôn 4                         | 420.000                                       |
| 3.2       | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ nghĩa trang thôn 4                        | 600.000                                       |
| 3.3       | Đoạn tiếp theo đến Nhà máy Z183                                       | 830.000                                       |
| <b>4</b>  | <b>Đường Minh Quán - đi giáp ranh xã Hoà Công</b>                     | 300.000                                       |

| STT        | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|--|---|
| 5          | Các đường liên thôn khác còn lại   | 120.000                                       |
| <b>XII</b> | <b>XÃ CƯỜNG THỊNH</b>  |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường (Nga Quán cũ) - Cường Thịnh</b>   |   |
| 1.1        | Đoạn ngã ba giáp nhà ông Thành đến ngã ba đồi Cọ   | 280.000                                       |
| 1.2        | Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đến ngã ba Trỏ Đá (giáp ranh phường Nam Cường, TP Yên Bái)         | 200.000                                       |
| 1.3        | Đoạn từ ngã ba đồi Cọ đi qua UBND xã Cường Thịnh đến đường rẽ đi xưởng chè               | 250.000                                       |
| 1.4        | Đoạn từ đường rẽ đi xưởng chè đến ngã tư thôn Đầm Hồng                                   | 230.000                                       |
| 1.5        | Đoạn tiếp theo từ ngã tư thôn Đầm Hồng đến hết đất ở nhà ông Bình Bàn giáp xã Minh Quán  | 180.000                                       |
| 1.6        | Đoạn từ ngã ba UBND xã Cường Thịnh đến hết đất ở nhà ông Nhất thôn Đồng Làn              | 230.000                                       |
| 1.7        | Đoạn từ nhà ông Hoàn đến hết đất ở nhà ông Hải   | 200.000                                       |
| 1.8        | Đoạn từ ngã ba dốc Đình đến giáp ranh xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái                     | 200.000                                       |
| 1.9        | Đoạn từ nhà ông Điền đến hết đất ở nhà ông Hanh  | 200.000                                       |
| 1.10       | Đoạn từ nhà bà Vân đến ngã ba ông Tuấn   | 200.000                                       |
| 1.11       | Đoạn nhà ông Thuận qua ngã ba nhà ông Tuấn đến giáp ranh xã Minh Quán (nhà ông Bình Bàn) | 200.000                                       |
| 1.12       | Đoạn từ nhà ông Quốc đến ngã ba ông Thuộc  | 200.000                                       |
| 1.13       | Đoạn rẽ từ nhà ông Kiểu thôn Đầm Hồng đi đến đập Chóp Dù                                 | 200.000                                       |
| 1.14       | Đoạn từ nhà văn hóa thôn Đất Đen đến hết đất ở nhà ông Thân thôn Đất Đen                 | 200.000                                       |
| 1.15       | Đoạn từ ngã ba đồng vọt đến nhà ông Quý giáp xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái              | 300.000                                       |
| 1.16       | Đoạn từ ngã tư thôn Đầm Hồng đến ngã ba ông Hùng Dung                                    | 350.000                                       |

| STT      | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|----------|---|---|
| 1.17     | Đoạn từ nhà ông Cựộc thôn Hồng Hà đến ngã ba giáp nhà ông Thành   | 1.427.000                                     |
| 1.18     | Đoạn từ đường Yên Bái - Khe Sang đến ngã ba Dung Hanh   | 200.000                                       |
| 1.19     | Đoạn từ ngã ba Dung Hanh đến giáp ranh sân bay Yên Bái  | 200.000                                       |
| 1.20     | Đoạn từ ngã ba Dung Hanh đến giáp ranh thôn Hiền Dương  | 200.000                                       |
| 1.21     | Đoạn từ ngã ba Dung Hanh đến hết ranh giới đất ở nhà ông Lục  | 200.000                                       |
| <b>2</b> | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang</b>   |   |
| 2.1      | Đoạn giáp ranh xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái đến cách nhà nghỉ Quang Tùng (trụ sở UBND xã Nga Quán cũ) 100m | 700.000                                       |
| 2.2      | Đoạn tiếp theo đến cầu Nga Quán   | 800.000                                       |
| 2.3      | Đoạn tiếp theo đến ranh giới cây xăng Chiến Thắng   | 1.100.000                                     |
| 2.4      | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh thị trấn Cổ Phúc   | 2.200.000                                     |
| <b>3</b> | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ thôn Ninh Phúc (Khu trung đoàn cũ)</b>                                       | 150.000                                       |
| <b>4</b> | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ thôn Ninh Phúc (Đường giáp TT Cổ Phúc)</b>                                   | 200.000                                       |
| <b>5</b> | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ thôn Hồng Hà đến giáp ranh giới Sân bay Yên Bái</b>                          | 200.000                                       |
| <b>6</b> | <b>Đường bê tông đoạn từ nhà ông Tùy Đông đến cầu máng thôn Ninh Phúc</b>                                   | 200.000                                       |
| <b>7</b> | <b>Đoạn từ nhà ông Tuất đến hết ranh giới đất ở nhà ông Hiền Toàn thôn Hồng Hà</b>                          | 200.000                                       |
| <b>8</b> | <b>Đường Yên Bái - Khe Sang rẽ vào thôn Ninh Phúc đến hết ranh giới đất ở nhà ông Ngọc</b>                  | 200.000                                       |
| <b>9</b> | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>   | 200.000                                       |

## BẢNG 9: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN YÊN BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)


| STT       | Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|--|---|
| (1)       | (2)  | (3)   |
| <b>I</b>  | <b>THỊ TRẤN YÊN BÌNH</b>   |   |
| <b>3</b>  | <b>Đường Đại Đồng</b>  |   |
| 3.13      | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới nhà bà Mai Thị Lợi                        | 4.950.000                                     |
| <b>14</b> | <b>Đường bê tông (cổng làng văn hóa tổ 5- thị trấn Yên Bình)</b>           |   |
| 14.1      | Đoạn từ sau vị trí 1 đường Đại Đồng đến hết ranh giới nhà ông Lê Văn Thuận | 1.100.000                                     |



**B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

| STT        | Tên đường   | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|------------|---|---|
| (1)        | (2)   | (3)   |
| <b>I</b>   | <b>XÃ PHÚ THỊNH</b>   |   |
| 17         | Đường Cụm công nghiệp Phú Thịnh (Từ sau vị trí 1 đường Hương Lý đến hết ranh giới xã Phú Thịnh)     | 2.000.000                                     |
| 18         | Đường nội bộ quỹ đất khu tái định cư dự án đường nội đường Nguyễn Tất Thành đi Trung tâm y tế huyện | 800.000                                       |
| 19         | Các đường liên thôn khác còn lại  | 150.000                                       |
| <b>II</b>  | <b>XÃ MỸ GIA</b>  |   |
| <b>1</b>   | <b>Đường Vĩnh Kiên - Yên Thế</b>  |   |
| 1.1        | Từ giáp xã Xuân Lai đến nhà bà Hà Thị Tới (thôn 4)  | 220.000                                       |
| 1.2        | Đoạn tiếp theo đến công suối cạn (thôn 1)   | 600.000                                       |
| 1.3        | Đoạn tiếp theo đến công qua đường (nhà ông Vũ Văn Lượng thôn 5)                                     | 800.000                                       |
| 1.4        | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Cẩm Nhân   | 330.000                                       |
| <b>2</b>   | <b>Đoạn từ UBND xã Mỹ Gia đi bến Cảng</b>   | 300.000                                       |
| <b>3</b>   | <b>Đường liên xã Cẩm Nhân- Phúc Ninh (giáp ranh xã Cẩm Nhân đến giáp xã Phúc Ninh)</b>              | 170.000                                       |
| <b>4</b>   | <b>Các đường liên thôn khác còn lại</b>   | 150.000                                       |
| <b>III</b> | <b>XÃ BẠCH HÀ</b>   |   |
| <b>1</b>   | <b>Quốc lộ 37 Từ giáp xã Vĩnh Kiên đến giáp tỉnh Tuyên Quang</b>                                    | 1.200.000                                     |
| <b>2</b>   | <b>Đường liên xã Bạch Hà - Vũ Linh</b>  |   |
| 2.1        | Đoạn từ Quốc lộ 37 cách 20 m đến cầu Bồng   | 560.000                                       |
| 2.2        | Đoạn tiếp theo đến UBND xã Yên Bình cũ  | 800.000                                       |
| 2.3        | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ đi Đài tưởng niệm xã Yên Bình cũ  | 2.000.000                                     |
| 2.4        | Đoạn tiếp theo đến hết ranh giới xã Yên Bình cũ   | 330.000                                       |

| STT      | Tên đường  | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|----------|--|---|
| 2.5      | Đoạn tiếp theo đến ngã tư nhà ông Đỗ Văn Quý   | 385.000                                 |
| 2.6      | Đoạn tiếp theo đến nhà ông Phạm Trung Kiên   | 800.000                                 |
| 2.7      | Đoạn tiếp theo đến hết đất nhà ông Vương Đình Nhung thôn Ngòi Lèn  | 600.000                                 |
| 2.8      | Đoạn tiếp theo đến giáp xã Vũ Linh   | 280.000                                 |
| <b>3</b> | <b>Đường liên xã Bạch Hà - Vĩnh Kiên</b>   |   |
| 3.1      | Đoạn từ sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà - Vũ Linh đến cầu Đức Tiệp  | 600.000                                 |
| 3.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp ranh giới xã Vĩnh Kiên   | 250.000                                 |
| <b>4</b> | <b>Đoạn từ ngã tư sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà - Vũ Linh đến Quốc lộ 37</b>                                    |   |
| 4.1      | Đoạn từ Ngã Tư sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà - Vũ Linh (giáp chợ cũ, xã Yên Bình cũ) đến nhà ông Hoàng Văn Phúc | 200.000                                 |
| 4.2      | Đoạn tiếp theo đến Quốc lộ 37  | 200.000                                 |
| <b>5</b> | <b>Đường nội bộ quỹ đất đấu giá thôn Trung Tâm, giáp Chợ mới (sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà-Vũ Linh)</b>        | 2.500.000                               |
| <b>6</b> | <b>Đường đi thôn Ngọn Ngòi</b>   |   |
| 6.1      | Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Khải đến ngã tư nhà ông Bùi Đăng Toàn   | 660.000                                 |
| 6.2      | Đoạn tiếp theo đến ngã ba hết đất nhà ông Hoàng Văn Khoái  | 330.000                                 |
| 6.3      | Đoạn tiếp theo đến nhà ông Hoàn Hợp  | 200.000                                 |
| 6.4      | Đoạn từ ngã ba nhà ông Hoàng Văn Khoái đi ngã ba thôn Ngọn Ngòi  | 200.000                                 |
| <b>7</b> | <b>Đoạn từ trạm biến áp cầu đất Lạn đến ngã ba nhà ông Thanh Huấn</b>  | 200.000                                 |
| <b>8</b> | <b>Đoạn từ ngã ba nhà ông Vỹ thôn Hồ Sen đến ngã ba nhà ông Tòng thôn Ngòi Lèn</b>                                   | 200.000                                 |
| <b>9</b> | <b>Đoạn từ nhà ông Đỗ Văn Quý đến nhà ông Bùi Đăng Toàn (đường nội bộ quỹ đất đấu giá)</b>                           | 800.000                                 |

| STT |  Tên đường  | Giá đất<br>vị trí 1<br>(Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----|--|---|
| 10  | <b>Đường thôn Gò Chùa đi thôn Đá Bàn, xã Mỹ Bằng, Tuyên Quang:</b> <i>(Đoạn từ sau vị trí 1 đường liên xã Bạch Hà-Vũ Linh đến hết địa giới xã Bạch Hà)</i> | 400.000                                       |
| 11  | Đường nội bộ khu di dân tái định cư  | 400.000                                       |
| 12  | Các đường liên thôn khác còn lại   | 168.000                                       |



**BẢNG 10: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI HUYỆN LỤC YÊN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ (ĐÔ THỊ LOẠI V)**

| STT       | Tên đường   | Giá đất vị trí 1 (Đồng/m <sup>2</sup> ) |
|-----------|---|---|
| (1)       | (2)   | (3)                                     |
| <b>6</b>  | <b>Đường Phạm Văn Đồng</b>  |   |
| 6.4       | Đoạn tiếp theo đến đường rẽ vào khu tái định cư   | 5.500.000                               |
| 6.5       | Đoạn tiếp theo đến đường Hoàng Văn Thụ  | 5.000.000                               |
| 6.6       | Đoạn tiếp theo đến hết đất thị trấn Yên Thế   | 3.800.000                               |
| <b>15</b> | <b>Đường Cầu Máng - Tổ dân phố 13 (thôn Thoóc Phưa cũ)</b>  |   |
| 15.1      | Từ nhà ông Chử đến giáp đất nhà bà Quyên  | 576.000                                 |
| 15.2      | Đoạn tiếp theo đến giáp đất nhà bà Lê Thị Quyền   | 1.000.000                               |
| <b>25</b> | <b>Đường cụm công nghiệp</b>  |   |
| 25.1      | Đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Võ Thị Sáu   | 650.000                                 |
| 25.2      | Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Chung  | 500.000                                 |
| 25.3      | Đoạn tiếp theo đến hết đất ông Nông Ngọc Quỳnh  | 800.000                                 |
| 25.4      | Đoạn tiếp theo đến giáp đường Bệnh viện - Mỏ đá   | 720.000                                 |
| <b>32</b> | <b>Đường khu dân cư tổ 12 - Dự án Chính trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế</b> | 5.000.000                               |
| <b>33</b> | <b>Đường khu dân cư tổ 12 - Dự án Chính trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế</b> | 3.900.000                               |
| <b>34</b> | <b>Các tuyến đường khác còn lại</b>   | 300.000                                 |

